



**UNODC**

United Nations Office on Drugs and Crime

# Tăng cường

# Hệ thống Pháp luật

**Bóc lột Tình dục Trẻ em trong Du lịch và Lữ hành: Báo cáo Phân tích Hệ thống Pháp luật Quốc gia**

**Việt Nam**

**2014**



In năm 2014

**Được tài trợ bởi: Chính phủ Úc**

**Tác giả:** Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc, Văn phòng Khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương, Dự án Trẻ em (Chương trình Bảo vệ), Bangkok, Thái Lan

**Đóng góp từ Nhóm Dự án Trẻ em (Chương trình Bảo vệ):**

Bà Lindsay Buckingham, Chuyên gia tư vấn pháp luật độc lập

Bà Margaret Akullo, Điều phối viên Dự án UNODC

Bà Kanha Chan, UNODC Cán bộ Dự án Quốc gia, Campuchia

Bà Sommany Sihathep, Cán bộ Dự án Quốc gia UNODC, CHDCND Lào

Bà Snow White Smelser, Cán bộ Dự án Quốc gia UNODC, Thái Lan

Bà Đỗ Thúy Vân, Cán bộ Dự án Quốc gia UNODC, Việt Nam

Bà Đặng Hoài Thu, Trợ lý Dự án UNODC, Việt Nam

Bà Annethe Ahlenius, Điều phối viên INTERPOL

**Thông báo:** Tài liệu này chưa được chỉnh sửa một cách chính thức. Những khái niệm được sử dụng và các văn bản được trình bày trong tài liệu này không thể hiện bất kỳ quan điểm nào của Liên Hiệp Quốc về tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hay khu vực, hoặc liên quan đến việc phân định biên giới và ranh giới của quốc gia, lãnh thổ, thành phố hay khu vực đó.



## MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN .....	1
LỜI GIỚI THIỆU .....	3
BỘ TƯ PHÁP .....	3
<b>CƠ QUAN PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ TỘI PHẠM CỦA LIÊN HỢP QUỐC</b> .....	4
TỪ VIẾT TẮT .....	5
TÓM TẮT TỔNG THỂ.....	7
1    GIỚI THIỆU .....	9
2    PHẠM VI.....	10
3    HẠN CHẾ .....	11
4    KHUÔN KHỔ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ.....	13
4.1    CÔNG ƯỚC VỀ QUYỀN TRẺ EM VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ BỔ SUNG CÔNG ƯỚC NÀY.....	14
4.2    NGHỊ ĐỊNH THƯ VỀ BUÔN BÁN NGƯỜI .....	16
4.3    CÔNG ƯỚC 182 CỦA ILO: XÓA BỎ CÁC HÌNH THỨC LAO ĐỘNG TRẺ EM TỘI TỆ NHẤT .....	18
5    KHUÔN KHỔ PHÁP LUẬT VIỆT NAM .....	19
5.1    TÌNH HÌNH PHÊ CHUẨN CÁC VĂN KIỆN QUỐC TẾ QUAN TRỌNG.....	19
5.2    HÌNH SỰ HÓA VÀ CHẾ TÀI XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI DU LỊCH TÌNH DỤC TRẺ EM.....	19
5.3    CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ TRẺ EM TRONG QUÁ TRÌNH TƯ PHÁP HÌNH SỰ.....	23
5.4    CÁC BIỆN PHÁP PHỐI HỢP HÀNH PHÁP XUYÊN QUỐC GIA .....	24
5.5    TÓM TẮT VÀ KHUYẾN NGHỊ .....	24
6    KHUNG PHÁP LUẬT KHU VỰC .....	27
6.1    HỢP TÁC THỰC THI PHÁP LUẬT GIỮA CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC .....	27
6.2    HỖ TRỢ HỢP TÁC KHU VỰC MỞ RỘNG .....	28
6.3    TÓM TẮT VÀ KHUYẾN NGHỊ .....	28
7    KẾ HOẠCH THỰC HIỆN.....	30



## LỜI CẢM ƠN

Báo cáo này được xây dựng trong khuôn khổ của **Dự án về Trẻ em** do Chính phủ Úc tài trợ với tổng ngân sách là 7,5 triệu đô la. Mục tiêu của Dự án là nhằm ngăn chặn bóc lột tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch tại khu vực tiểu vùng sông Mê Kông. Dự án là một phần trong những chương trình hỗ trợ dài hạn của Úc trong công cuộc bảo vệ trẻ em, cũng như ngăn ngừa nguy cơ xâm hại trẻ em. Dự án về Trẻ em với sự tham gia của Cơ quan Phòng Chống Ma túy và Tội phạm Liên hợp Quốc (UNODC), INTERPOL và Tổ chức World Vision tập trung vào vấn đề xâm hại và bóc lột tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch. Dự án được triển khai tại Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam tập trung vào hai mảng tiếp cận là phòng ngừa và bảo vệ

Cơ quan Phòng Chống Ma túy và Tội phạm Liên hợp Quốc gửi lời cảm ơn đặc biệt tới:

Chuyên gia tư vấn pháp luật độc lập, **Bà Lindsay Buckingham**, đã thực hiện soạn thảo Báo cáo này theo yêu cầu của Văn phòng UNODC Khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Bà Buckingham đã nhận được sự hỗ trợ đặc lực của **bà Margaret Akullo** (Điều phối viên dự án, Văn phòng UNODC Khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương), **bà Annethe Ahlenius** (Điều phối viên dự án của INTERPOL), **bà Kanha Chan** (Cán bộ Dự án Quốc gia, Văn phòng UNODC Campuchia), **bà Sommany Sihathep** (Cán bộ Dự án Quốc gia, Văn phòng UNODC Lào), **bà Snow White Smelser** (Cán bộ Dự án Quốc gia, Văn phòng UNODC Thái Lan) và **bà Đỗ Thúy Vân** (Cán bộ Dự án Quốc gia, Văn phòng UNODC Việt Nam).

Cơ quan Phòng Chống Ma túy và Tội phạm Liên hợp Quốc cũng trân trọng gửi lời cảm ơn đặc biệt đến các đối tác của Chính phủ sau đây đã có sự hỗ trợ và đóng góp vào báo cáo này:

**Ông Hoàng Thế Liên** (Thứ trưởng Bộ Tư pháp), **bà Nguyễn Thị Kim Thoa** (Vụ trưởng, Vụ Pháp luật Hình sự và Hành chính), **ông Nguyễn Văn Hoàn** (Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp luật Hình sự và Hành chính), **ông Trần Văn Dũng** (Trưởng phòng Pháp luật Hình sự) và **bà Lê Thị Hoà** (chuyên viên), đã tham gia chỉnh lý và hoàn thiện Báo cáo này. Nội dung Báo cáo và các khuyến nghị về hoàn thiện pháp luật đã được Bộ Tư pháp (Vụ Pháp luật Hình sự và Hành chính) phê duyệt và được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo trong quá trình sửa đổi Bộ luật Hình sự.





## LỜI GIỚI THIỆU

### BỘ TƯ PHÁP

Trong những năm qua, tình hình tội phạm xâm hại trẻ em nói chung và xâm hại tình dục trẻ em nói riêng tại Việt Nam ngày càng có diễn biến phức tạp cả về tính chất, qui mô cũng như về mức độ nguy hiểm. Ngày càng nhiều người nước ngoài đến Việt Nam với những mục đích khác nhau như du lịch, học tập hoặc làm ăn, sinh sống và trong số đó, có cả những người đã thực hiện hành vi phạm tội xâm hại tình dục trẻ em. Bên cạnh đó cũng đã xuất hiện tình trạng khách du lịch lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của trẻ nhỏ để biến các em thành những món hàng phục vụ cho nhu cầu tình dục của mình. Do vậy, bảo vệ trẻ em khỏi các nguy cơ bị xâm hại, bị bóc lột tình dục trong hoạt động du lịch đã và đang là vấn đề cấp thiết mà một trong những biện pháp bảo vệ chính là biện pháp pháp luật. Hiện nay, Bộ luật Hình sự 1999 đang trong quá trình sửa đổi toàn diện với mục đích bảo vệ các quyền của trẻ em, bao gồm sửa đổi các điều khoản liên quan đến tội phạm người chưa thành niên, người chưa thành niên bị lạm dụng, trong đó có xâm hại tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch và lữ hành.

Trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và UNODC, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính đã phối hợp với các chuyên gia quốc tế phân tích, đánh giá các qui định của hệ thống pháp luật Việt Nam về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em trong du lịch và lữ hành trong mối tương quan so sánh với các chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó, các chuyên gia của Bộ Tư pháp phối hợp với cán bộ của UNODC Việt Nam tiến hành khảo sát tình hình thực thi pháp luật trong đấu tranh phòng chống tội phạm du lịch tình dục trẻ em tại 9 địa phương trong cả nước. Kết quả nghiên cứu và khảo sát là nguồn tư liệu quý, có giá trị tham khảo rất hữu ích cho việc soạn thảo pháp luật nói chung, và đặc biệt là để phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự.

Nhân dịp này, chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến Chính phủ Úc đã tài trợ cho hoạt động đánh giá và khảo sát sau này, bà Lindsay Buckingham (chuyên gia pháp luật của UNODC), bà Margaret Akullo (Điều phối viên dự án của UNODC), bà Annethe Ahlenius (Điều phối viên dự án của INTERPOL), bà Zhuldyz Akisheva (Giám đốc quốc gia UNODC Việt Nam) và bà Đỗ Thuý Vân (Cán bộ dự án quốc gia Việt Nam của UNODC) đã tích cực hỗ trợ chúng tôi hoàn thành Báo cáo này. Chúng tôi mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác, hỗ trợ trong tương lai cho việc xây dựng pháp luật của mình.



**Hoàng Thế Liên**  
**Thứ trưởng**  
Bộ Tư pháp  
Việt Nam

## CƠ QUAN PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ TỘI PHẠM CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Bóc lột tình dục trẻ em là một hành vi vi phạm nghiêm trọng các quyền của trẻ em và là một vấn đề hết sức phức tạp. Tại Đông Nam Á, bóc lột tình dục trẻ em thường gắn chặt với công nghiệp du lịch đang phát triển nhanh chưa từng thấy với số lượng lớn khách du lịch quốc tế và khu vực. Rất nhiều nỗ lực đã được các quốc gia trong khu vực thực hiện nhằm bảo vệ trẻ em, trong đó có cải cách hệ thống pháp luật, tăng cường năng lực kỹ thuật cho đội ngũ điều tra viên và công tố viên, đẩy mạnh hợp tác xuyên quốc gia.

UNODC làm việc cùng với các Quốc gia Thành viên nhằm mục đích:

- Tăng cường hệ thống khung pháp luật và chính sách
- Tăng cường kiến thức và kỹ năng cho cán bộ
- Tăng cường cơ chế hợp tác song phương, hợp tác khu vực và quốc tế
- Tăng cường cơ chế và mạng lưới trao đổi thông tin

Báo cáo này đánh giá mức độ phù hợp của Việt Nam đối với các quy định pháp luật quốc tế về xây dựng tư pháp hình sự để ứng phó với tội phạm bóc lột tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch. Báo cáo cũng chỉ ra những khiếm khuyết tồn tại trong khuôn khổ luật pháp hiện hành, đưa ra những khuyến nghị chung trong nhiều lĩnh vực cải cách để tháo gỡ những bất cập này, đồng thời vạch ra một kế hoạch hoạt động cụ thể để thực hiện các khuyến nghị này. Trải qua một quá trình tham vấn với các đối tác thực thi pháp luật trên phạm vi quốc gia và được nghiên cứu bởi các chuyên gia độc lập trong lĩnh vực pháp luật trong nước, báo cáo đã đưa ra được những phát hiện quan trọng.

Quan trọng hơn, Báo cáo chính là một phần của nghiên cứu được thực hiện trên phạm vi rộng ở những nước Campuchia, Lào và Thái Lan. Báo cáo cũng xem xét các khuôn khổ cấp khu vực về hợp tác xuyên quốc gia trong điều tra, truy tố tội phạm du lịch tình dục trẻ em, đồng thời nhận diện khả năng tăng cường những khuôn khổ đó. Những đề xuất cụ thể mà Báo cáo đưa ra giúp tăng cường khuôn khổ pháp lý bảo vệ trẻ em, đồng thời là cơ sở để chính phủ xây dựng, xúc tiến cải cách pháp luật chống lại tội phạm bóc lột tình dục trẻ em trong du lịch.

Báo cáo pháp luật, bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt, được soạn thảo trong khuôn khổ Dự án về Trẻ em do Chính phủ Úc tài trợ nhằm ngăn chặn bóc lột tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch tại khu vực tiểu vùng sông Mê Kông.

## TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
AusAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Chính phủ Úc (nay là Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc)
CEDAW	Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (1979)
CƯQTE	Công ước về quyền trẻ em (1989)
NĐT không bắt buộc bổ sung CƯQTE	Nghị định thư không bắt buộc về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em, và khiêu dâm trẻ em bổ sung CƯQTE (2000)
DFAT	Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc
ECPAT International	Chấm dứt mại dâm trẻ em, khiêu dâm trẻ em, và buôn bán trẻ em vì mục đích tình dục
ICCPR	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966)
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
Công ước 182 của ILO	Công ước về cấm và hành động tức thì để xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất
INTERPOL	Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế
CHDCND Lào	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
BBGN	Biên bản ghi nhớ
KHHĐQG	Kế hoạch hành động quốc gia
BBN	Buôn bán người
Nghị định thư BBN	Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp, và xử phạt tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (2005)
UNICEF	Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc
UNODC	Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc
UNTOC	Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc (2000)



## TÓM TẮT TỔNG THỂ

Báo cáo phân tích đối chiếu các khuôn khổ pháp luật của Việt Nam với các quy định pháp luật quốc tế chính liên quan tới lạm dụng trẻ em do tội phạm du lịch tình dục trẻ em thực hiện – bao gồm các quy định về hình sự hóa hành vi phạm tội, bảo vệ nạn nhân và nhân chứng trẻ em trong quá trình tư pháp hình sự và các biện pháp hợp tác hành pháp xuyên quốc gia. Báo cáo cũng xem xét các khuôn khổ cấp khu vực về hợp tác xuyên quốc gia trong điều tra, truy tố tội phạm du lịch tình dục trẻ em, đồng thời xác định cơ hội tăng cường những khuôn khổ đó. Dựa trên phân tích này, báo cáo đưa ra một số khuyến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật của Việt Nam đồng thời vạch ra một kế hoạch thực hiện để định hướng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho những cải cách này.

Những kết quả này tạo ra một cơ hội để thúc đẩy những nỗ lực về cải cách pháp luật mang tính tập trung – cả ở từng quốc gia và ở cấp khu vực – phù hợp với nhu cầu của các quốc gia đối tác, giải quyết những lỗ hổng cụ thể trong hệ thống pháp luật mỗi quốc gia và toàn khu vực, và bổ khuyết cho các khuôn khổ pháp luật hiện hành.

Cùng với một loạt các cách tiếp cận đa dạng từ góc độ pháp luật, Việt Nam, với tư cách là quốc gia tham gia dự án cũng dễ dàng chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về các mô hình hiệu quả trong phòng chống du lịch tình dục trẻ em nhằm thúc đẩy những cải cách kịp thời, có tính thực tiễn, và hài hòa với các quốc gia láng giềng. Báo cáo này hy vọng sẽ tạo ra nền tảng ban đầu để Việt Nam bắt tay vào xây dựng những chương trình cải cách pháp luật tập trung nhằm hỗ trợ đặc lực cho nỗ lực của chính phủ Việt Nam và toàn khu vực trong việc xử lý vấn đề du lịch tình dục trẻ em.

### GHI CHÚ:

Trên thực tế, một số tổ chức thường sử dụng các thuật ngữ “tội phạm du lịch tình dục trẻ em” hoặc “bóc lột tình dục trẻ em trong du lịch”, tuy nhiên, Báo cáo này sử dụng thuật ngữ “du lịch tình dục trẻ em” để phù hợp với thuật ngữ pháp luật được sử dụng trong Công ước về Quyền trẻ em (1989) và Nghị định thư không bắt buộc của Công ước về Mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em (2000).



Xây dựng được một khuôn khổ pháp luật và chính sách mạnh là điều kiện quyết định trong mọi cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Một hệ thống tư pháp hình sự mạnh mẽ, phù hợp với luật pháp quốc tế và được triển khai hiệu quả trên thực tế sẽ giúp các cơ quan hành pháp tăng khả năng phòng ngừa – cũng như xử lý hiệu quả - tội phạm du lịch tình dục trẻ em.<sup>1</sup> Tại Việt Nam, tội phạm du lịch tình dục trẻ em là một trong những thách thức lớn đối với hệ thống hành pháp. Những đối tượng phạm tội này thường rất khó phát hiện, phạm tội với nhóm trẻ em ít được bảo vệ nhất, sau đó di chuyển đến một nơi khác để không bị truy tố hoặc tiếp tục sống kín đáo, không đăng ký trong cộng đồng. Với sự phát triển du lịch trong khu vực tiểu vùng sông Mê Kông, nhìn bề ngoài, có vẻ như nam giới từ các nước phương tây là nhóm đối tượng du lịch tình dục dễ thấy nhất - tuy nhiên, trên thực tế lại cho thấy du khách Châu Á lại là nhóm đối tượng chiếm phần lớn trong các vụ phạm tội du lịch tình dục trẻ em.<sup>2</sup> Cần hiểu rằng, tội phạm du lịch tình dục trẻ em không phải lúc nào cũng do người nước ngoài thực hiện mà còn bao gồm cả nhóm du khách trong nước đi du lịch và có hành vi bóc lột tình dục trẻ em trong thời gian du lịch. Đối tượng phạm tội có thể bao gồm cả khách ‘vãng lai’ và nhóm đối tượng cư trú lâu dài tại địa bàn.

Du lịch tình dục trẻ em là một loại tội phạm có tính đặc thù và thường gây ra những khó khăn nhất định cho các cơ quan tư pháp và pháp luật trong việc xây dựng và thực hiện những biện pháp ứng phó hiệu quả. Thứ nhất, đối tượng thường đến những nơi không phải là nơi cư trú thường xuyên của mình và lợi dụng việc không ai biết đến chúng ở nơi đó để thực hiện hành vi phạm tội. Đặc trưng này đúng với cả nhóm đối tượng có kế hoạch phạm tội từ trước và những đối tượng phạm tội ‘cơ hội’ khi có điều kiện (chính là nhóm chiếm phần lớn trong tội phạm du lịch tình dục trẻ em). Thứ hai, các loại dịch vụ như khách sạn, nhà nghỉ, đi lại và các dịch vụ khác – đặc biệt là những dịch vụ cho phép khách du lịch có thể tiếp xúc trực tiếp với trẻ em – đều được đối tượng phạm tội lợi dụng để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Thứ ba, người phạm tội du lịch tình dục trẻ em thường không lộ diện trong cộng đồng, hoặc trong trường hợp cư trú dài hạn tại cộng đồng, họ rất hạn chế quan hệ với mọi người. Chính sự kín đáo và di chuyển nhanh này đòi hỏi các biện pháp hành pháp phải toàn diện và được điều phối hiệu quả, để hạn chế thấp nhất các lỗ hổng trong pháp luật, đảm bảo các ranh giới về thẩm quyền tư pháp không tạo thành những rào cản đối với việc truy tố tội phạm.

Với vai trò là cơ quan chủ trì thực hiện Dự án về Trẻ em (Chương trình Bảo vệ), Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC) đang phối hợp với các đối tác quốc tế và chính phủ các quốc gia xây dựng những khuôn khổ pháp luật hiệu quả hơn để xử lý tội phạm du lịch tình dục trẻ em trong khu vực. Dự án này nằm trong khuôn khổ một chương trình mang tên Dự án về Trẻ em (2010 – 2014) do Chính phủ Úc tài trợ được thực hiện tại bốn quốc gia đối tác ưu tiên bao gồm Campuchia, CHDCND Lào, Thái Lan, và Việt Nam. Chương trình này tiếp cận vấn đề theo hai chiến lược chính là Bảo vệ và Phòng ngừa. Thông qua Chương trình Bảo vệ, UNODC sẽ phối hợp với Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL) tăng cường năng lực hành pháp cả ở phạm vi quốc gia và liên quốc gia nhằm nhanh chóng phát hiện và hành động hiệu quả trong việc xử lý các đối tượng du lịch tình dục trẻ em trong khu vực Tiểu vùng sông Mekong. Chương trình Bảo vệ hướng tới việc cung cấp một gói hỗ trợ tăng cường năng lực toàn diện cho chính phủ các cơ quan tham gia dự án cũng như cơ quan hành pháp của họ thông qua hai hợp phần: Hợp phần 1 do UNODC chủ trì đã tập trung vào các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu về lập pháp, đào tạo tập huấn và phối hợp hành động của bốn quốc gia đối tác; Hợp phần 2 do INTERPOL chủ trì bao gồm các hoạt động tập hợp lực lượng điều tra quốc tế và khu vực trong các chiến dịch đặc biệt tập trung vào tội phạm du lịch tình dục trẻ em. Chương trình Phòng ngừa do World Vision thực hiện với mục tiêu tăng cường môi trường bảo vệ cho trẻ em trong hoạt động du lịch và lữ

<sup>1</sup> Mặc dù một số tổ chức thích sử dụng thuật ngữ ‘tội phạm tình dục trẻ em là khách du lịch’ hoặc ‘bóc lột tình dục trẻ em trong hoạt động lữ hành và du lịch’, báo cáo này sẽ sử dụng thuật ngữ ‘du lịch tình dục trẻ em’ để đảm bảo thống nhất thuật ngữ với *Công ước về quyền trẻ em (1989)* và *Nghị định thư không bắt buộc về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em, và khiêu dâm trẻ em (2000)*.

<sup>2</sup>[http://www.unicef.org/eapro/activities\\_3757.html](http://www.unicef.org/eapro/activities_3757.html)

hành – đặc biệt là tăng cường nhận thức của cộng đồng và khả năng tự vệ của trẻ em tránh bị bóc lột tình dục, cũng như phối hợp với các chính phủ trong việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa hiệu quả.

Báo cáo này tập trung vào phần việc do UNODC và INTERPOL thực hiện trong khuôn khổ Dự án về Trẻ em (Chương trình Bảo vệ) – đặc biệt là Kết quả 1 (Khuôn khổ pháp luật phù hợp để đấu tranh với tội phạm du lịch tình dục trẻ em và bảo vệ nạn nhân được tăng cường / hoàn thiện), Đầu ra 1.1 (Rà soát pháp luật được thực hiện) và Đầu ra 1.2 (Các khuyến nghị rõ ràng và thực tế cho các đối tác Chính phủ về tăng cường khung pháp luật để đấu tranh với tội phạm du lịch tình dục trẻ em).<sup>3</sup> Báo cáo cũng tập trung vào khung thể chế của Việt Nam, và bổ sung cho các báo cáo tương tự khác do mỗi nước thành viên của Dự án về Trẻ em chuẩn bị. Báo cáo đã được chia sẻ và thảo luận với Bộ Tư pháp và các cơ quan Chính phủ khác của Việt Nam với tư cách là nền tảng cho việc thực hiện các khuyến nghị cho từng quốc gia này.

Việt Nam đã thể hiện cam kết mạnh mẽ của chính phủ đối với cuộc đấu tranh chống bóc lột tình dục trẻ em. Chính phủ đã xây dựng luật pháp và chính sách bảo vệ trẻ em tránh khỏi bóc lột tình dục, hình sự hóa các hành vi phạm tội, và bảo vệ quyền của trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của loại tội phạm này trong suốt quá trình tư pháp hình sự. Các biện pháp này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc giải quyết nạn du lịch tình dục trẻ em cũng như các hình thức bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em khác. Tuy nhiên, hiện vẫn còn một số khiếm khuyết trong khuôn khổ luật pháp trong nước, cũng như những điểm chưa tương đồng giữa luật pháp quốc gia với các quy định quốc tế liên quan đến vấn đề du lịch tình dục trẻ em. Điều quan trọng là khi những khiếm khuyết này còn tồn tại, các đối tượng du lịch tình dục trẻ em sẽ tìm cách khai thác triệt để chúng để tiếp tục bóc lột tình dục trẻ em ở Việt Nam.

Để có các biện pháp ứng phó kịp thời ở cả trong nước và trên toàn khu vực cần thiết phải xây dựng một hàng rào pháp lý mạnh để phòng chống du lịch tình dục trẻ em. Một hệ thống pháp luật yếu kém có thể khuyến khích các hành vi bóc lột tình dục trẻ em vì mục đích thương mại và làm gia tăng nguy cơ đối với trẻ em vì thủ phạm có nhiều cơ hội hơn để thực hiện hành vi bóc lột trẻ em mà ít nguy cơ bị phát giác.<sup>4</sup> Ngược lại, đối với các nước có hệ thống pháp luật phòng chống các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em đồng bộ, với các chế tài nghiêm khắc thì có giá trị phòng ngừa cao.<sup>5</sup> Tuy nhiên, khi một quốc gia xây dựng được khuôn khổ pháp luật toàn diện về phòng chống bóc lột tình dục trẻ em, các đối tượng phạm tội thường đơn giản chuyển địa bàn hoạt động của mình sang một quốc gia bên cạnh nơi luật pháp về lĩnh vực này chưa phát triển đầy đủ<sup>6</sup>. Điều này có nghĩa là sự phối hợp đồng bộ trên phạm vi toàn khu vực, giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực nhằm đối phó với loại tội phạm này là hết sức quan trọng để đảm bảo luật pháp các quốc gia trong khu vực được hài hòa với nhau và có nhiều biện pháp hợp tác về pháp luật quốc tế thực thi trong khu vực, và như vậy, các tội phạm du lịch tình dục trẻ em không còn nơi nào ẩn trốn nữa.

## 2 PHẠM VI

Báo cáo này trình bày mức độ phù hợp của pháp luật Việt Nam – với các quy định pháp luật quốc tế về xây dựng các biện pháp phòng chống du lịch tình dục trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự. Tài liệu này cũng nhận diện một số khiếm khuyết trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, đưa ra một số đề xuất cải cách chung để xử lý các khoảng trống đó và vạch ra một kế hoạch hoạt động cụ thể để thực hiện các đề xuất này trong khuôn khổ chương trình Dự án về trẻ em (Chương trình Bảo vệ).

<sup>3</sup> Dự án Trẻ em: Chương trình bảo vệ. Tài liệu thiết kế dự án

<sup>4</sup> [http://www.ecpat.net/worldcongressIII/PDF/Journals/EXTRATERRITORIAL\\_LAWS.pdf](http://www.ecpat.net/worldcongressIII/PDF/Journals/EXTRATERRITORIAL_LAWS.pdf) -- tr.4

<sup>5</sup> Sách đã dẫn.

<sup>6</sup> [http://www.ecpat.net/ei/Publications/CYP/YP\\_Guide\\_to\\_CST\\_ENG.pdf](http://www.ecpat.net/ei/Publications/CYP/YP_Guide_to_CST_ENG.pdf) -- tr.8



Để có một khuôn khổ thống nhất cho việc so sánh đối chiếu các luật liên quan của Việt Nam với các nghĩa vụ quốc tế chính, báo cáo này xem xét những câu hỏi dưới đây:

- **Tình hình phê chuẩn các văn kiện quốc tế quan trọng:** Việt Nam đã ký hoặc phê chuẩn các văn kiện nào?
- **Hình sự hóa và chế tài xử phạt đối với các hành vi liên quan đến du lịch tình dục trẻ em:** Việt Nam có quy định hình sự hóa các hành vi phạm tội về du lịch tình dục trẻ em hay không? Chế tài xử phạt như thế nào?
- **Các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tư pháp hình sự:** Luật pháp hoặc chính sách của Việt Nam có quy định các biện pháp bảo vệ đối với người bị hại, người làm chứng là trẻ em trong quá trình tư pháp hình sự không?
- **Các biện pháp phối hợp hành pháp xuyên quốc gia:** Theo pháp luật của Việt Nam có thể dẫn độ tội phạm du lịch tình dục trẻ em hay không? Luật pháp của Việt Nam có quy định thẩm quyền xét xử các hành vi du lịch tình dục diễn ra bên ngoài lãnh thổ quốc gia hay không? Có khuôn khổ pháp luật về tương trợ tư pháp hay không?<sup>7</sup>
- **Hợp tác khu vực:** Việt Nam có quy định hoặc cơ chế nào cho việc hợp tác xuyên quốc gia về pháp luật (như dẫn độ và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự) với các quốc gia khác tham gia dự án? Có những văn kiện nào định hướng cho hoạt động phối hợp cấp khu vực trong việc phòng chống du lịch tình dục trẻ em?

Khuôn khổ nghiên cứu này được thống nhất sử dụng trong các báo cáo riêng của mỗi quốc gia thành viên tham gia vào dự án.

Báo cáo này là một phần của kế hoạch thực hiện nằm trong khuôn khổ Dự án về trẻ em (Chương trình Bảo vệ) của UNODC. Các khuyến nghị và đề xuất thực hiện trong báo cáo này được vạch ra nhằm bổ sung vào kế hoạch chung của dự án, cụ thể là bổ sung cho các hoạt động của INTERPOL trong Chương trình Bảo vệ, và hoạt động của World Vision trong Chương trình Phòng ngừa.

Do UNODC sẽ phối hợp chặt chẽ với INTERPOL trong việc thực hiện Chương trình Bảo vệ, và INTERPOL lại có quan hệ phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành pháp của Việt Nam trong lĩnh vực này, nên báo cáo này sẽ không tập trung vào các mối quan hệ hợp tác hành pháp không chính thức (như chia sẻ thông tin giữa cơ quan cảnh sát các quốc gia) trong quá trình đánh giá các biện pháp đối phó với du lịch tình dục trẻ em. Báo cáo sẽ chỉ tập trung vào các cơ chế phối hợp chính thức của chính phủ Việt Nam với các Chính phủ về hợp tác pháp luật quốc tế (đặc biệt là trong vấn đề dẫn độ và tương trợ tư pháp).

### 3 HẠN CHẾ

Nghiên cứu để chuẩn bị cho Báo cáo đều do chuyên gia pháp luật quốc tế tiến hành dựa trên các tài liệu pháp luật và chính sách có thể tiếp cận được bằng tiếng Anh thông qua Văn phòng UNODC tại Việt Nam cũng như một số văn bản từ các nguồn tin cậy trên mạng. Báo cáo cũng sử dụng một số tài liệu do các cơ quan LHQ và tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực phòng chống du lịch tình dục trẻ em và các lĩnh vực liên quan ấn hành.

Mặc dù các tài liệu này cung cấp được rất nhiều thông tin bối cảnh quan trọng, nhưng nhiều tài liệu đã lạc hậu hoặc quy định chung về vấn đề bóc lột tình dục trẻ em chứ không tập trung cụ thể vào du lịch tình dục trẻ em. Phát hiện được các hạn chế, Bộ Tư pháp Việt Nam đã phối hợp với UNODC thực hiện nghiên cứu tại các địa

---

<sup>7</sup> Mặc dù một số quy định pháp luật quốc tế liên quan đến du lịch tình dục trẻ em có quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên phải bảo đảm khả năng tịch thu xung công lợi nhuận do phạm tội mà có, báo cáo này sẽ không xem xét việc tuân thủ của các quốc gia đối tác với nghĩa vụ này. Cơ chế xử lý lợi nhuận do phạm tội mà có cũng như tang vật vi phạm có thể rất phức tạp – do đó cần có phân tích riêng về các cơ chế này trong một báo cáo khác.

phương (thông qua khảo sát ) và tiếp tục phân tích, rà soát toàn bộ các tài liệu liên quan đến thi hành pháp luật về đấu tranh với tội phạm du lịch tình dục trẻ em tại Việt Nam và trong khu vực.

Khung thời gian trình bày trong kế hoạch thực hiện ở phần sau của báo cáo là khung thời gian dự kiến, chỉ có ý nghĩa đề xuất và cần được điều chỉnh theo các nguồn lực có sẵn và nhu cầu của Việt Nam trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Hiện tại vẫn chưa có một định nghĩa nào được công nhận chung trên toàn thế giới về du lịch tình dục trẻ em.<sup>8</sup> Định nghĩa do ECPAT International đề xuất được UNODC công nhận mô tả du lịch tình dục trẻ em là:

... hành vi bóc lột tình dục trẻ em của một hoặc nhiều người đã di chuyển khỏi địa bàn tính nơi họ sinh sống, hoặc khỏi vùng địa lý nơi họ sinh sống, hoặc khỏi quốc gia nơi họ sinh sống, để có quan hệ tình dục với trẻ em. Đối tượng du lịch tình dục trẻ em có thể là khách du lịch trong nước hoặc khách du lịch nước ngoài. [Du lịch tình dục trẻ em] thường bao gồm việc sử dụng các dịch vụ lưu trú, vận chuyển và các dịch vụ khác liên quan đến du lịch để tiếp xúc với trẻ em và để giúp giữ kín tung tích của thủ phạm đối với người dân và môi trường bên ngoài.<sup>9</sup>

Du lịch tình dục trẻ em là một loại tội phạm vượt ra ngoài những ranh giới pháp luật truyền thống, trong đó các nghĩa vụ pháp lý quốc tế về bảo vệ trẻ em tránh khỏi hành vi du lịch tình dục có liên quan đến cả pháp luật hình sự, lao động và pháp luật về quyền con người. Báo cáo này sẽ sử dụng định nghĩa về du lịch tình dục trẻ em của ECPAT làm cơ sở để tìm hiểu khuôn khổ pháp luật quốc tế, cũng như phân tích các biện pháp ứng phó của Việt Nam.

Một loạt các quy định pháp lý quốc tế đã tạo ra một khung pháp lý cho việc xây dựng các biện pháp tư pháp hình sự của quốc gia về phòng chống du lịch tình dục trẻ em. Những văn kiện pháp luật quốc tế quan trọng bao gồm *Công ước về quyền trẻ em (1989)* (CƯQTE) và *Nghị định thư không bắt buộc về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em (2000)* (Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho CƯQTE), *Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (2000)* (UNTOC) và *Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bổ sung UNTOC (2005)* (Nghị định thư BBN) và 3) *Công ước (Số 182) về nghiêm cấm và hành động tức thời để xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (1999)* của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (Công ước 182 của ILO). Mặc dù một số văn kiện khác cũng bao hàm các quy định chung về nghĩa vụ bảo vệ trẻ em,<sup>10</sup> báo cáo này sẽ chỉ tập trung vào những văn kiện nêu trên với tư cách là những văn kiện liên quan trực tiếp nhất tới các biện pháp về tư pháp hình sự để đối phó với du lịch tình dục trẻ em.

Một số văn kiện quốc tế mang tính không ràng buộc cũng giúp đặt ra một số chuẩn mực cho các biện pháp pháp luật trong nước nơi theo trong lĩnh vực này. Ví dụ, *Tuyên bố và chương trình hành động Stockholm (1996)*, *Cam kết toàn cầu Yokohama (2001)* về phòng chống bóc lột tình dục trẻ em và *Bộ quy tắc đạo đức toàn cầu (1999)* của các quốc gia thành viên Tổ chức Du lịch Thế giới của LHQ trong đó lên án mọi hình thức bóc lột tình dục trẻ em và kêu gọi các quốc gia hình sự hóa hành vi này trong hệ thống pháp luật của mình (bao gồm các quy định về thẩm quyền xử lý các hành vi diễn ra bên ngoài lãnh thổ nước mình). Tuy các văn kiện này không mang tính ràng buộc pháp lý, nhưng các nguyên tắc thể hiện trong đó lại phản ánh rất sát các nghĩa vụ đã được quy định trong các văn kiện pháp luật quốc tế chính.

Các văn kiện quốc tế chính liên quan đến đấu tranh phòng chống du lịch tình dục trẻ em đã được nhiều quốc gia trong khu vực phê chuẩn. Bảng dưới đây minh họa việc phê chuẩn (hoặc tham gia) các văn kiện này của các nước:

<sup>8</sup> ChildWise, Báo cáo đánh giá Travelling Child Sex Offenders in South East Asia: A Regional Review – 2007/2008, tr.3

<sup>9</sup>Sách đã dẫn: ECPAT International, *Combating Child Sex Tourism: Questions and Answers* (2008) tr.6

<sup>10</sup> Ví dụ, Công ước về các quyền chính trị và dân sự (ICCPR), Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (Ủy ban CEDAW), Công ước 29, 105, và 138 của ILO

**Bảng: Tình hình phê chuẩn văn kiện<sup>11</sup>**

Quốc gia	CƯQTE	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE	UNTOC	Nghị định thư BBN	Công ước 182 của ILO
Campuchia	✓	✓	✓	✓	✓
Lào	✓	✓	✓	✓	✓
Thái Lan	✓	✓	✓	✓	✓
Việt Nam	✓	✓	✓	✓	✓

Chú thích: ✓: [quốc gia đã phê chuẩn hoặc tham gia văn kiện]

#### 4.1 CÔNG ƯỚC VỀ QUYỀN TRẺ EM VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ BỔ SUNG CÔNG ƯỚC NÀY

CƯQTE xây dựng một khuôn khổ tổng quát về quyền con người đòi hỏi các quốc gia thành viên phải hành động phù hợp với lợi ích tốt nhất của trẻ em.<sup>12</sup> Đây là một thỏa ước quốc tế được rất nhiều nước công nhận với tổng cộng 196 quốc gia thành viên.<sup>13</sup> Việt Nam là các quốc gia thành viên của Công ước này.

CƯQTE đặt ra những chuẩn mực pháp lý quan trọng liên quan đến cuộc đấu tranh phòng chống du lịch tình dục trẻ em – đặc biệt là bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại tình dục và tạo ra những cơ chế phù hợp để trẻ tham gia vào các quá trình tư pháp hoặc hành chính. Điều 34 và 35 quy định các quốc gia phải thực hiện những biện pháp phù hợp với hoàn cảnh của mình và phối hợp với các quốc gia khác để bảo vệ trẻ em tránh khỏi mọi hình thức bóc lột tình dục và xâm hại tình dục - trong đó có hành vi dụ dỗ hoặc ép buộc trẻ tham gia vào những hành vi tình dục bất hợp pháp<sup>14</sup> - cũng như phòng ngừa hành vi bắt cóc, mua bán, hoặc buôn bán trẻ em vì bất cứ mục đích gì dưới bất cứ hình thức nào.<sup>15</sup> Theo Điều 12 (2), các quốc gia thành viên phải tạo cơ hội cho trẻ em nói lên ý kiến của mình trong các quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính có ảnh hưởng đến trẻ em, trực tiếp hoặc thông qua một người đại diện hay một cơ quan thích hợp. Quy định này có thể áp dụng ở các quốc gia sao cho phù hợp với quy định của pháp luật về tố tụng của quốc gia đó.<sup>16</sup>

Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE đòi hỏi các quốc gia thành viên phải có biện pháp cụ thể để nghiêm cấm việc mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em<sup>17</sup> - các hoạt động mà bản thân văn kiện này nhìn nhận là có liên quan mật thiết tới du lịch tình dục trẻ em.<sup>18</sup> Các định nghĩa được quy định trong Nghị định thư về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em là những định nghĩa rộng, bao trùm nhiều hành vi khác nhau:

Trong phạm vi Nghị định thư này:

(a) Mua bán trẻ em nghĩa là bất kỳ hành động hoặc sự giao dịch nào, qua đó trẻ em bị chuyển giao từ một người hay một nhóm người này cho một người hay một nhóm người khác để nhận

<sup>11</sup>UN Treaty Series <<http://treaties.un.org>> sourced at 15 January 2013; and <http://www.ilo.org/ilolex/english/>

<sup>12</sup> Điều 3

<sup>13</sup> Các hiệp ước của LHQ <<http://treaties.un.org>> sourced at 28 August 2011

<sup>14</sup> Điều 34

<sup>15</sup> Điều 35

<sup>16</sup> Điều 12(2)

<sup>17</sup> Điều 1; Mặc dù một số tổ chức thường sử dụng thuật ngữ ‘tài liệu xâm hại trẻ em’ hoặc ‘hình ảnh xâm hại trẻ em’, nhưng báo cáo này sẽ sử dụng thuật ngữ ‘khiêu dâm trẻ em’ để đảm bảo thống nhất với thuật ngữ pháp lý sử dụng trong các văn kiện pháp luật quốc tế.

<sup>18</sup> Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE, Lời nói đầu

tiền hoặc bất kỳ hình thức thanh toán nào khác;

(b) Mại dâm trẻ em nghĩa là việc sử dụng trẻ em vào các hoạt động tình dục để nhận tiền hoặc bất kỳ hình thức thanh toán nào khác;

(c) Khiêu dâm trẻ em nghĩa là bất cứ sự thể hiện nào, dù bằng bất kỳ phương tiện gì, việc trẻ em tham gia vào các hoạt động tình dục một cách rõ ràng, thật hoặc mô phỏng, hoặc bất kỳ sự thể hiện nào về những bộ phận sinh dục của trẻ em chủ yếu nhằm các mục đích tình dục.<sup>19</sup>

Nghị định thư này cũng quy định các quốc gia thành viên phải hình sự hóa những hành vi kể trên bất kể hành vi đó được thực hiện dưới hình thức nào (ví dụ: hành vi này luôn luôn cấu thành tội phạm bất kể là do cá nhân thực hiện hay có tổ chức, trong một nước hay xuyên quốc gia).<sup>20</sup> Ngoài ra, Nghị định thư này còn đòi hỏi hình sự hóa và có chế tài xử phạt thích đáng đối với các hành vi nghiêm trọng liệt kê dưới đây liên quan tới du lịch tình dục trẻ em:<sup>21</sup>

- Cung cấp, chuyển giao, hay tiếp nhận trẻ em dưới bất cứ hình thức nào nhằm mục đích bóc lột tình dục trẻ em
- Mời chào, tìm giúp, môi giới, hoặc cung cấp trẻ em cho mục đích mại dâm trẻ em
- Làm ra, phát tán, phổ biến, nhập khẩu, xuất khẩu, chào mời, bán, hoặc tàng trữ tài liệu khiêu dâm trẻ em; và
- Tổ chức, xúi giục, giúp sức người thực hiện tội phạm thực hiện một trong các hành vi kể trên hoặc hành vi của người thực hiện tội phạm ở giai đoạn chưa hoàn thành.<sup>22</sup>

Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE quy định các quốc gia thành viên phải thực hành quyền tài phán đối với những hành vi này khi chúng xảy ra trên lãnh thổ nước mình (hoặc trên tàu thuyền hoặc máy bay được đăng ký tại quốc gia đó)<sup>23</sup>. Ngoài quy định cơ bản này để đảm bảo quyền tài phán trên lãnh thổ quốc gia, Nghị định thư không bắt buộc này còn đòi hỏi các quốc gia phải xác lập quyền tài phán trong những trường hợp quốc gia đó từ chối không dẫn độ một bị cáo vì lý do người này là công dân của quốc gia mình, nhưng phải cam kết chuyển vụ việc sang một cơ quan có thẩm quyền trong nước để truy tố.<sup>24</sup> Nghĩa vụ bắt buộc này thể hiện nguyên tắc pháp lý quốc tế *aut dedere aut judicare* (dẫn độ hoặc truy tố) – quy định quốc gia phải lựa chọn hoặc là dẫn độ, hoặc là truy tố người bị cáo buộc phạm tội, và thường được áp dụng với những loại tội phạm nghiêm trọng để đảm bảo rằng sẽ không quốc gia nào trở thành nơi nương náu an toàn cho những kẻ muốn trốn tránh trách nhiệm về những hành vi tội phạm nghiêm trọng mà mình gây ra.

Nghị định thư cũng cho các quốc gia cơ hội khẳng định quyền tài phán của mình rộng rãi hơn kể cả đối với những hành vi phạm tội xảy ra bên ngoài lãnh thổ nước họ.<sup>25</sup> Mặc dù không phải là một nghĩa vụ bắt buộc, nhưng các quốc gia thành viên có thể xác lập quyền tài phán đối với các hành vi phạm tội quy định tại Điều 3 của Nghị định thư nếu người phạm tội là công dân (hoặc thường trú) tại quốc gia đó, hoặc khi nạn nhân là công dân của quốc gia đó. Việc xác lập quyền tài phán ngoài lãnh thổ quốc gia như vậy đã được một số quốc gia thành viên của Nghị định thư quy định trong pháp luật nước họ cho phép họ truy tố các đối tượng phạm tội du lịch tình dục trẻ em – thường là công dân hoặc có quy chế thường trú tại các quốc gia này - khi những đối tượng này trở về quê nhà.

---

<sup>19</sup> Điều 2

<sup>20</sup> Điều 3

<sup>21</sup> Điều 3(3)

<sup>22</sup> Điều 3(1)-(2)

<sup>23</sup> Điều 4(1)

<sup>24</sup> Điều 4(3); Điều 5(5)

<sup>25</sup> Điều 4(2)

Các quốc gia thành viên phải tiến hành nhiều biện pháp tương trợ lẫn nhau nhằm tạo thuận lợi cho quá trình điều tra, truy tố, và dẫn độ tội phạm tình dục trẻ em,<sup>26</sup> cũng như trong việc tịch thu, xung công lợi nhuận bất hợp pháp tạo ra từ những hoạt động phạm tội này.<sup>27</sup> Trách nhiệm này bao gồm việc các hành vi phạm tội quy định tại Điều 3 Nghị định thư không bắt buộc được coi là những tội phạm có thể dẫn độ, và một quốc gia có thể dẫn độ tội phạm dù có hay không có hiệp định với quốc gia yêu cầu dẫn độ (trừ các trường hợp các quốc gia muốn thực hành quyền tài phán với công dân của mình và tự mình truy tố như đã nêu ở phần trên).<sup>28</sup> Các quốc gia thành viên của Nghị định thư cũng có trách nhiệm phối hợp với nhau để tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các thỏa thuận đa phương, khu vực, và song phương về việc phòng ngừa, phát hiện, điều tra, truy tố, và xử phạt những kẻ phải chịu trách nhiệm trong các vụ mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em, khiêu dâm trẻ em, và du lịch tình dục trẻ em.<sup>29</sup>

Ngoài các nghĩa vụ về hình sự hóa, quyền tài phán, và hợp tác quốc tế, Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE cũng đặt ra khuôn khổ giúp các quốc gia xây dựng những biện pháp phù hợp để bảo vệ quyền và lợi ích của nạn nhân trẻ em trong suốt quá trình tư pháp hình sự<sup>30</sup> và quy định rằng, trong các hoạt động liên quan đến nạn nhân trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự, lợi ích tốt nhất của trẻ phải là mối quan tâm hàng đầu.<sup>31</sup> Trong các vụ án về du lịch tình dục trẻ em, cần có các biện pháp đặc biệt bảo vệ nạn nhân trẻ em tham gia vào quá trình tư pháp hình sự. Các biện pháp như vậy giúp các quốc gia đảm bảo việc bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em, và tạo điều kiện cho trẻ em tham gia vào quá trình tư pháp, giúp các cơ quan hành pháp có thêm chứng cứ để củng cố hồ sơ vụ án, tăng cơ hội truy tố thành công kẻ phạm tội. Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE cung cấp một danh sách đầy đủ các biện pháp mà các quốc gia có thể thực hiện, bao gồm:

- Nhận thức rõ đặc tính dễ bị tổn thương của các nạn nhân là trẻ em và điều chỉnh những thủ tục công nhận các nhu cầu đặc biệt của trẻ em, cả với những em là người làm chứng
- Thông tin cho các nạn nhân là trẻ em về quyền, vai trò của trẻ em và phạm vi, thời gian, tiến trình tố tụng và kết quả giải quyết vụ việc
- Cho phép nạn nhân trẻ em trình bày ý kiến, nhu cầu, mối quan tâm của mình và những ý kiến đó phải được xem xét đến trong các quá trình tố tụng khi có liên quan quyền lợi cá nhân của trẻ em
- Cung cấp cho các nạn nhân là trẻ em những dịch vụ hỗ trợ phù hợp trong suốt quá trình pháp lý
- Khi cần thiết, phải bảo vệ quyền riêng tư và nhận dạng của nạn nhân trẻ em và tiến hành các biện pháp phù hợp để tránh sự phổ biến không phù hợp thông tin nhận dạng của nạn nhân trẻ em
- Trong các trường hợp cần thiết, đảm bảo sự an toàn của nạn nhân trẻ em cũng như gia đình các em và những người làm chứng để họ khỏi bị đe dọa và trả thù, và
- Tránh sự chậm trễ không cần thiết trong việc giải quyết các vụ việc và trong việc thi hành các phán quyết cũng như quy định về bồi thường cho nạn nhân trẻ em.<sup>32</sup>

Một điều quan trọng cần lưu ý là theo CƯQTE, trẻ em được định nghĩa là người dưới 18 tuổi.<sup>33</sup> Mặc dù một số văn kiện quốc tế cho phép một sự linh hoạt nhất định trong việc xác định ngưỡng tuổi phân biệt giữa trẻ em và người trưởng thành, nhưng các văn kiện chính về bảo vệ trẻ em khỏi hành vi bóc lột tình dục – bao gồm cả Nghị định thư BBN và Công ước 182 của ILO – đều sử dụng ngưỡng 18 tuổi làm ngưỡng quy định độ tuổi trẻ em. Trong phạm vi báo cáo này, khái niệm trẻ em ở đây sử dụng theo định nghĩa của CƯQTE.

## 4.2 NGHỊ ĐỊNH VỀ BUÔN BÁN NGƯỜI

<sup>26</sup> Điều 6

<sup>27</sup> Điều 7

<sup>28</sup> Điều 5

<sup>29</sup> Điều 10(1)

<sup>30</sup> Điều 8(1)

<sup>31</sup> Điều 8(3)

<sup>32</sup> Điều 8(1)

<sup>33</sup> Điều 1

Nghị định thư BBN bổ sung UNTOC quy định các quốc gia phải có hành động phòng ngừa, trấn áp và trừng trị buôn bán người. Việt Nam là quốc gia thành viên của cả UNTOC và Nghị định thư BBN.

Mặc dù du lịch tình dục trẻ em là một loại tội phạm độc lập đòi hỏi có các biện pháp đặc biệt và cụ thể để xử lý, nhưng tội phạm này cũng liên quan mật thiết với buôn bán trẻ em<sup>34</sup>. Theo Nghị định thư BBN thì trẻ em được định nghĩa là người dưới mười tám tuổi<sup>35</sup> và một hành vi bị coi là buôn bán người khi nó thỏa mãn đồng thời ba yếu tố dưới đây:

- Hành động: tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp, hoặc tiếp nhận người
- Thủ đoạn: bằng thủ đoạn đe dọa hoặc sử dụng vũ lực hoặc các hình thức cưỡng ép khác, bắt cóc, lừa gạt, dụ dỗ, lạm dụng quyền lực hoặc vị thế để bị tổn thương của nạn nhân, hoặc trả hoặc nhận tiền hay các lợi ích khác để đạt được sự đồng thuận của người có quyền định đoạt đối với người khác
- Mục đích: vì mục đích bóc lột. Bóc lột ở đây tối thiểu là bao gồm bóc lột mại dâm hoặc các hình thức bóc lột tình dục khác, cưỡng bức lao động hoặc phục vụ, nô dịch và các hình thức như nô dịch, nô lệ, hoặc lấy bộ phận cơ thể.<sup>36</sup>

Tuy nhiên, khi nạn nhân là trẻ em, thì chỉ cần hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp hoặc tiếp nhận vì mục đích bóc lột là đã cấu thành tội buôn bán người, ngay cả khi không có các thủ đoạn như mô tả ở trên.<sup>37</sup> Quy định này là vì trẻ em không bao giờ có thể đồng thuận với hành vi bóc lột mình, nên trong những trường hợp như vậy thì không cần phải chứng minh thủ phạm đã sử dụng các thủ đoạn lừa gạt hoặc cưỡng ép. Các hành vi nhằm mục đích tiếp tay cho du lịch tình dục trẻ em cũng cấu thành tội buôn bán người. Ví dụ, một người tuyển mộ và môi giới cho một trẻ em với mục đích gây ra hoặc để cho trẻ em đó bị bóc lột tình dục, dù có phải là khách du lịch hay không, đều bị coi là đã thực hiện hành vi buôn bán người theo định nghĩa của Nghị định thư. Mặt khác, nếu một đối tượng du lịch tình dục trẻ em xâm hại hoặc bóc lột tình dục đối với một trẻ em bị buôn bán, thì người đó đồng thời sẽ bị truy cứu trách nhiệm theo cả các luật quy định về xâm hại tình dục trẻ em.

Do đó điều quan trọng là cần xác định những nghĩa vụ chính theo Nghị định thư BBN trong mối tương quan với việc hình sự hóa các hành vi du lịch tình dục trẻ em trong pháp luật quốc gia, việc thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tư pháp hình sự, và việc thiết lập các cơ chế phối hợp hành pháp hiệu quả giữa các nước. Các nghĩa vụ chính theo Nghị định thư BBN cũng rất thống nhất với các nghĩa vụ theo Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE.

Các quốc gia có nghĩa vụ hình sự hóa các hành vi kể trên, bao gồm việc thiết lập các quy định cơ bản về trách nhiệm hình sự đồng thời qui định trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội chưa đạt, trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm, và tổ chức hoặc chỉ đạo người khác thực hiện hành vi phạm pháp.<sup>38</sup> Các nghĩa vụ khác đối với quốc gia thành viên của Nghị định thư BBN tương đồng với các nghĩa vụ được quy định trong Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE về bảo vệ nạn nhân, nhân chứng. Cụ thể, các quốc gia thành viên phải thực thi các biện pháp:

- Bảo vệ quyền riêng tư và nhận dạng của nạn nhân, trong đó có việc tiến hành thủ tục điều tra xét xử kín đối với các vụ án buôn bán người<sup>39</sup>
- Cung cấp thông tin cho nạn nhân về các thủ tục xét xử hoặc hành chính, và hỗ trợ để ý kiến và mối quan tâm của các em được trình bày trong quá trình tố tụng hình sự<sup>40</sup>

---

<sup>34</sup> ECPAT, Mind the Gaps, tr.12

<sup>35</sup> Điều 3(d)

<sup>36</sup> Điều 3(a)

<sup>37</sup> Điều 3(c)

<sup>38</sup> Điều 4

<sup>39</sup> Điều 6(1)

<sup>40</sup> Điều 6(2)

- Đảm bảo các nhu cầu đặc biệt của trẻ em được cân nhắc trong quá trình pháp lý<sup>41</sup>
- Nỗ lực đảm bảo an toàn thể chất cho nạn nhân<sup>42</sup>.

Theo Nghị định thư BBN bổ sung và Công ước UNTOC, các quốc gia cần phối hợp với nhau ở mức độ cao nhất có thể thông qua các thỏa thuận dẫn độ và tương trợ tư pháp.<sup>43</sup> UNTOC đặt ra những nghĩa vụ giống như những nghĩa vụ trong Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE về xác lập quyền tài phán đối với hành vi phạm tội,<sup>44</sup> cũng như những nghĩa vụ phải quy định tội buôn bán người là một tội phạm có thể dẫn độ và tôn trọng nguyên tắc *aut dedere aut judicare* (dẫn độ hay truy tố).<sup>45</sup> Cả UNTOC và Nghị định thư BBN đều kêu gọi các quốc gia phối hợp ở cấp cơ quan nhằm chia sẻ các thông tin hành pháp<sup>46</sup>.

### 4.3 CÔNG ƯỚC 182 CỦA ILO: XÓA BỎ CÁC HÌNH THỨC LAO ĐỘNG TRẺ EM TỘI NHẤT

Công ước 182 của ILO về Xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất ghi nhận những nguy cơ đặc thù đối với trẻ em, và hạn chế các công việc mà trẻ em có thể tham gia thực hiện khi những công việc đó được xác định là ảnh hưởng tiêu cực nhất đối với trẻ. Công ước này đòi hỏi các quốc gia phải có những biện pháp phù hợp để nghiêm cấm và xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.<sup>47</sup> Việt Nam là quốc gia thành viên của Công ước 182 của ILO.

Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất bao gồm việc sử dụng, môi giới, hoặc cung cấp trẻ em làm mại dâm, để sản xuất tài liệu khiêu dâm, hoặc để tham gia các hoạt động trình diễn khiêu dâm<sup>48</sup>, cũng như mua bán trẻ em.<sup>49</sup> Các biện pháp nghiêm cấm và xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất có thể bao gồm các chế tài hình sự và chế tài xử phạt khác phù hợp.<sup>50</sup> Công ước 182 của ILO không quy định cụ thể các biện pháp cần thực hiện để nghiêm cấm và xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Tuy nhiên, Công ước này cũng quy định một số nghĩa vụ cụ thể giống như các nghĩa vụ theo Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE, như quy định các quốc gia thành viên phải hình sự hóa một loạt các hành vi liên quan đến mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em, và khiêu dâm trẻ em.<sup>51</sup>

<sup>41</sup> Điều 6(4)

<sup>42</sup> Điều 6(5)

<sup>43</sup> Điều 16; 18(1)-(2)

<sup>44</sup> Điều 15

<sup>45</sup> Điều 15-16

<sup>46</sup> Nghị định thư BBN Điều 10(1); và quy định UNTOC tại Điều 27

<sup>47</sup> Điều 1

<sup>48</sup> Điều 3(a)

<sup>49</sup> Điều 3(a)

<sup>50</sup> Điều 7(1)

<sup>51</sup> Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE, Điều 1 & 3



## 5 KHUÔN KHỔ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

### 5.1 TÌNH HÌNH PHÊ CHUẨN CÁC VĂN KIỆN QUỐC TẾ QUAN TRỌNG

Việt Nam đã phê chuẩn hoặc gia nhập 05 văn kiện quốc tế quy định các nghĩa vụ cơ bản đối với các quốc gia để thực hiện các ứng phó về tư pháp hình sự để đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em: CƯQTE, Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE, UNTOC, Nghị định thư BBN, and Công ước 182 của ILO.

### 5.2 HÌNH SỰ HÓA VÀ CHẾ TÀI XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI DU LỊCH TÌNH DỤC TRẺ EM

Pháp luật hình sự Việt Nam không trực tiếp quy định hành vi phạm tội xâm hại tình dục trẻ em trong du lịch. Tuy nhiên, có thể áp dụng một số quy định của BLHS (1999) để truy tố tội phạm du lịch tình dục trẻ em.

Các tội phạm quy định tại BLHS phải bị xử lý theo quy định về quyền tài phán ngoài lãnh thổ nếu người đó là công dân Việt Nam hoặc là người thường trú tại Việt Nam nhưng không có quốc tịch Việt Nam. Cũng cần thấy rằng, người nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam cũng có thể bị truy tố trong trường hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định phải thực hiện quyền tài phán này.<sup>52</sup> BLHS còn quy định một loạt các chế định về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (còn được xem là hành vi cố tình), đồng phạm (bao gồm tổ chức, thực hành, xúi giục, giúp sức), che giấu tội phạm, không tố giác tội phạm.<sup>53</sup>

Bộ luật hình sự có sử dụng đồng thời hai khái niệm để chỉ người dưới 18 tuổi: ‘trẻ em’ và ‘người chưa thành niên’. Các khái niệm này được định nghĩa tại các luật cụ thể. Theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (2004), khái niệm trẻ em được quy định là người dưới 16 tuổi. Còn theo Bộ luật Dân sự (2005), ‘người chưa thành niên’ được hiểu là người chưa đủ 18 tuổi. Như vậy, mặc dù khái niệm ‘trẻ em’ và ‘người chưa thành niên’ đều được sử dụng trong BLHS, việc sử dụng hai khái niệm này có thể tạo ra sự phân biệt không cố ý giữa trẻ em dưới 16 tuổi và người từ 16 đến dưới 18 tuổi. Không rõ là liệu cách tiếp cận này có phù hợp hoàn toàn với độ tuổi trưởng thành theo các chuẩn mực quốc tế hay không, khi mà theo chuẩn mực quốc tế, các quốc gia cần phải định nghĩa trẻ em là người dưới 18 tuổi, để từ đó có sự bảo vệ đối với các em. Bộ Tư pháp cho rằng, mặc dù BLHS 1999 sử dụng hai khái niệm: trẻ em và người chưa thành niên, nhưng cả hai đối tượng này đều được áp dụng nguyên tắc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân đạo hơn so với người đã thành niên phạm tội. Tuy nhiên, việc tiếp tục phân tích là cần thiết để chắc chắn rằng tất cả các em dưới 18 tuổi đều được bảo vệ thích hợp khỏi hành vi xâm hại và bóc lột tình dục. Lỗ hổng trong pháp luật hiện hành này yêu cầu phải xem xét lại để bảo đảm tất cả trẻ em được bảo vệ đầy đủ theo quy định của các chuẩn mực quốc tế.

#### 5.2.1 MẠI DÂM TRẺ EM

Liên quan đến hành vi mại dâm trẻ em, BLHS đã hình sự hoá ba hành vi - môi giới mại dâm, mua dâm người chưa thành niên và chứa mại dâm. Tuy nhiên, các điều khoản hiện hành không hoàn toàn phù hợp với các quy định trong Nghị định thư không bắt buộc bổ sung CƯQTE.

<sup>52</sup> Điều 6 BLHS

<sup>53</sup> Chương III BLHS

Trường hợp môi giới mại dâm đối với trẻ từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi sẽ chịu mức phạt tù từ 3 năm đến 10 năm; trường hợp môi giới mại dâm đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm<sup>54</sup>.

Tội mua dâm người chưa thành niên với mức phạt tù từ 1 năm đến 5 năm đối với trường hợp nạn nhân từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; nếu nạn nhân là trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì mức phạt là tù từ 3 năm đến 8 năm<sup>55</sup>. Người phạm tội mại dâm trẻ em còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung đến 10 triệu đồng. Hành vi mua dâm cần phải bị xử phạt nặng vì phản ánh bản chất nghiêm trọng của tội phạm. Tuy nhiên, không rõ tại sao tội mua dâm trẻ em lại có hình phạt nhẹ hơn tội môi giới và tội chứa mại dâm trẻ em.

Chứa chấp mại dâm trẻ em cũng bị coi là tội phạm với mức phạt tù từ 5 năm đến 15 năm (trong trường hợp chứa mại dâm trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) hoặc bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm (trong trường hợp chứa mại dâm trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi). Bên cạnh đó, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền đến 100 triệu đồng, bị tịch thu tài sản<sup>56</sup>.

Trong khi các tội liên quan đến mại dâm trẻ em từ 13 đến dưới 18 tuổi theo quy định phải chịu hình phạt rất nghiêm khắc, thì lại không có quy định cho tội chứa hoặc môi giới mại dâm đối với trẻ em dưới 13 tuổi. Tuy nhiên, Điều 112 của BLHS quy định mọi trường hợp giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi đều bị coi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội sẽ bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình<sup>57</sup>. Như vậy cần phải cân nhắc xem liệu có cần phải quy định thêm tội phạm riêng biệt về chứa hoặc môi giới mại dâm đối với trẻ em dưới 13 tuổi - để bảo đảm hành vi này bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phòng ngừa tội phạm tiềm năng. Thêm vào đó, Bộ Tư pháp cũng chỉ dẫn rằng, trên nguyên tắc, trong trường hợp người có hành vi chứa chấp, môi giới mại dâm hoặc mua dâm mà nạn nhân là trẻ em dưới 13 tuổi, thì người phạm tội không bị xử về các hành vi chứa chấp hay môi giới mại dâm hay mua dâm trẻ em mà bị xử về tội hiếp dâm trẻ em (đối với trường hợp mua dâm trẻ em) hoặc với vai trò là người đồng phạm khác như chủ mưu trợ giúp cho hành vi hiếp dâm trẻ em (trong hai trường hợp còn lại). Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là, việc xác định tội danh và mức hình phạt sẽ gặp nhiều khó khăn nếu người phạm tội chứa chấp, môi giới, mua dâm có sự nhầm lẫn về độ tuổi của nạn nhân. Bộ Tư pháp lưu ý đây sẽ là vấn đề cần phải qui định cụ thể trong lần sửa đổi BLHS sắp tới.

Các văn bản pháp luật khác cũng cấm hành vi mại dâm trẻ em nhưng không quy định trách nhiệm hình sự. Luật BVCSGDTE nghiêm cấm việc dụ dỗ, lừa dối, dẫn dắt, chứa chấp, ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm - tuy nhiên, không quy định chế tài đối với các hành vi này.<sup>58</sup> Pháp lệnh phòng, chống mại dâm quy định nghiêm cấm việc thuê lao động dưới 18 tuổi vào làm việc tại các cơ sở như khách sạn, nhà hàng, vũ trường, quán bar và hiệu mát-xa - nơi có thể bị lạm dụng để hoạt động mại dâm - làm các ngành nghề có ảnh hưởng tiêu cực cho sự phát triển về thể chất và trí tuệ và nhân phẩm của trẻ.<sup>59</sup> Tuy nhiên, Pháp lệnh này không quy định chế tài hình sự đối với các hành vi này, bởi vì các hình phạt này đã được quy định trong BLHS.

---

## 5.2.2 XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM

BLHS1999 và Luật BVCSGDTE nghiêm cấm các hành vi xâm hại và tấn công tình dục trẻ em. Hiếp dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm<sup>60</sup>, hiếp dâm trẻ em từ đủ

---

<sup>54</sup> Điều 255

<sup>55</sup> Điều 256

<sup>56</sup> Điều 254

<sup>57</sup> Điều 112

<sup>58</sup> Điều 7

<sup>59</sup> Điều 15; ECPAT, *Mind the Gaps*, tr. 41 – lưu ý luật này không có phiên bản bằng tiếng Anh

<sup>60</sup> Điều 111 khoản 4.

13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm<sup>61</sup>. Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi đều bị coi là hiếp dâm và người phạm tội bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình<sup>62</sup>. Mức hình phạt nghiêm khắc áp dụng đối với tội hiếp dâm đã phản ánh bản chất nghiêm trọng của tội phạm này.

BLHS cũng quy định mức hình phạt nghiêm khắc từ 7 đến 10 năm tù đối với tội cưỡng dâm trẻ em căn cứ vào độ tuổi của nạn nhân. Thông thường, tội hiếp dâm trẻ em thể hiện thông qua hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân; trong khi hành vi cưỡng dâm trẻ em là dùng mọi thủ đoạn để dụ dỗ nạn nhân (người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quẫn bách) phải miễn cưỡng giao cấu ngoài ý muốn của họ.

Giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì người phạm tội có thể bị phạt từ 1 năm đến 5 năm tù<sup>63</sup>. Tội dâm ô đối với trẻ em có thể bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm (trường hợp có nhiều tính tiết tăng nặng có thể bị phạt 3 năm đến 7 năm hoặc đặc biệt nghiêm trọng có thể bị phạt từ 7 năm đến 12 năm)<sup>64</sup>, tuy nhiên pháp luật không đưa ra khái niệm thế nào là dâm ô đối với trẻ em. Theo Bộ Tư pháp thì tội phạm dâm ô trẻ em là hành vi của người đã thành niên đã lợi dụng sự non nớt của trẻ em, tuy không có hành vi giao cấu nhưng đã có hành vi kích thích về tình dục đối với trẻ.

Tuy nhiên, BLHS không có quy định đối với tội giao cấu với người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi và tội dâm ô khi nạn nhân là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Đây là nội dung cần được tiếp tục nghiên cứu.

Luật BVCSGDTE cũng nghiêm cấm hành vi xâm hại tình dục trẻ em, bao gồm nhằm lợi ích cá nhân, tuy nhiên, luật này không quy định chế tài hình sự.<sup>65</sup>

Pháp luật quy định các hành vi xâm hại tình dục trẻ em có thể được tăng cường nếu như hình sự hóa được hành vi gây cảm tình với nạn nhân (grooming conduct). Hành vi này xảy ra khi kẻ phạm tội xâm hại tình dục trẻ em - bao gồm cả người đi du lịch và không đi du lịch - có hành vi sẵn đón để bắt đầu và phát triển mối quan hệ với trẻ em, sử dụng quan hệ đó để xây dựng lòng tin nhằm mục đích cuối cùng là tiến tới việc bóc lột tình dục trẻ em đó<sup>66</sup>. Theo giải thích của Europol về hành vi gây cảm tình này, thì các yếu tố của tội phạm bao gồm đề xuất cố ý của một người đã thành niên để gặp gỡ với một trẻ em (người chưa đến tuổi hợp pháp đối với các hành vi tình dục) với ý định thực hiện hành vi xâm hại tình dục.<sup>67</sup> Hợp chủng quốc Hoa Kỳ cho rằng hành vi gây cảm tình này là hành vi gây dựng cố ý mối quan hệ tình cảm với một trẻ em để chuẩn bị cho việc xâm hại trẻ em đó.<sup>68</sup> Hành vi gây cảm tình này thường xảy ra thông qua các dịch vụ thông tin như internet hoặc điện thoại di động, qua đó người phạm tội sử dụng để liên lạc với trẻ em. Trong nhiều trường hợp đầu tiên kẻ phạm tội sẽ giới thiệu mình là một trẻ em hoặc người trẻ tuổi khác, sau đó thì giới thiệu các nội dung hoặc hình ảnh về tình dục cho trẻ em, một số trường hợp thì xui khiến trẻ em làm ra các tài liệu khiêu dâm trẻ em. Ở tất cả các nước tham gia Dự án đều thiếu quy định hình sự hóa hành vi gây cảm tình trong hệ thống pháp luật và đề xuất bổ sung quy định này được bao gồm trong tất cả các khuyến nghị đối với tất cả các nước. Tuy nhiên, tại Việt Nam, hành vi này có thể đã được đề cập và quy định trong Điều 17 của BLHS 1999 liên quan đến chuẩn bị hành vi phạm tội<sup>69</sup>.

---

<sup>61</sup> Điều 112

<sup>62</sup> Điều 112

<sup>63</sup> Điều 114 khoản 1

<sup>64</sup> Điều 116

<sup>65</sup> Điều 7

<sup>66</sup> Ví dụ, luật quốc gia của Úc, Anh và Mỹ đã dẫn chứng những điển hình bằng việc quy định các tội danh cụ thể cho hành vi dụ dỗ.

<sup>67</sup> Trung tâm Tội phạm Công nghệ cao châu Âu EUROPOL, Luật phòng chống Bóc lột Tình dục Trẻ em: Pháp luật Quốc gia và Quốc tế về Phòng chống Bóc lột Tình dục Trẻ em, Lạm dụng Tình dục Trẻ em và Khiêu dâm Trẻ em (Bản lần 2; 2012), 16-17

<sup>68</sup> Xem Luật Hoa Kỳ 18 USC 2422 và 18 USC 2252A

<sup>69</sup> (Điều 17- Chuẩn bị phạm tội - Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, chuẩn bị công cụ hoặc tạo điều kiện để phạm tội. Người chuẩn bị hành vi phạm tội nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi của mình.)

---

### 5.2.3 KHIÊU DÂM TRẺ EM

Điều 253 của BLHS quy định tội truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy bao gồm các hành vi: làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, mua bán hoặc tàng trữ nhằm phổ biến sách, báo, tranh, ảnh, phim, nhạc hoặc những vật phẩm khác có tính chất đồi trụy cũng như hành vi khác truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy. Trường hợp phạm tội truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy đối với người chưa thành niên thì hình phạt là tù từ 3 năm đến 10 năm (hoặc nếu có tình tiết tăng nặng khác, ví dụ như gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì là phạt tù từ 7 năm đến 15 năm). Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền bổ sung từ 3 triệu đồng đến 30 triệu đồng.<sup>70</sup>

Các thuật ngữ được sử dụng trong BLHS để hình sự hoá hành vi truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy đáp ứng một cách rộng rãi các yêu cầu của Nghị định thư không bắt buộc của Công ước về quyền trẻ em, tuy nhiên, vẫn còn một thiếu sót nhất định. BLHS không hình sự hoá hành vi tàng trữ văn hoá phẩm đồi trụy không vì mục đích phát tán, trong đó có văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em. Yếu tố then chốt này được yêu cầu phải quy định trong luật để bảo đảm các tội phạm tình dục trẻ em mà lưu giữ văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em để sử dụng riêng cho mình (và không định phân phát) có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Pháp luật còn thiếu định nghĩa rõ ràng về khiêu dâm trẻ em. Cần phải phân biệt giữa văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em và văn hoá phẩm khiêu dâm người lớn để bảo đảm không có sự mơ hồ trong tính chất của văn hoá phẩm khiêu dâm và phản ánh tính chất nghiêm trọng của tội phạm. Các quy định của BLHS hiện hành không quy định các vấn đề này.

Pháp lệnh phòng, chống mại dâm cũng nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức và cá nhân không được làm ra, phân phối, vận chuyển, lưu giữ, mua, bán, xuất, nhập khẩu hoặc in ấn tranh ảnh, tài liệu, sản phẩm hoặc thông tin có thể được coi là khiêu dâm.<sup>71</sup> Tuy nhiên, Pháp lệnh này không quy định chế tài hình sự. Giống như BLHS, Pháp lệnh này cũng không phân biệt rõ ràng giữa tài liệu khiêu dâm trẻ em và tài liệu khiêu dâm người lớn và không nghiêm cấm hành vi sở hữu tài liệu khiêu dâm trẻ em. Các quy định nghiêm cấm riêng biệt cũng được quy định trong Luật BVCSGDTE - bao gồm làm ra, sao chép, phân phát, vận chuyển hoặc lưu giữ văn hoá phẩm khiêu dâm - tuy nhiên, không Luật này cũng không quy định chế tài hình sự.<sup>72</sup>

---

### 5.2.4 MUA BÁN TRẺ EM

Hành vi mua bán trẻ em vì mục đích tình dục được hình sự hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việt Nam vừa qua đã ban hành Luật phòng chống mua bán người (Luật PCMBN) để tăng cường khung pháp luật của Việt Nam về phòng, chống buôn bán người, góp phần thực thi Nghị định thư về phòng chống buôn bán người. Luật PCMBN có hiệu lực thi hành từ tháng 01 năm 2012. Tuy nhiên, tội phạm và hình phạt không được quy định trong Luật - mà được quy định tại BLHS. Các quy định này của BLHS đang được xem xét sửa đổi cho phù hợp với Luật PCMBN và đáp ứng các yêu cầu của Nghị định thư về buôn bán người.

Điều 120 của BLHS quy định tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em với mức phạt tù từ 3 năm đến 10 năm. Trong trường hợp có tình tiết tăng nặng (bao gồm cả khi hành vi được thực hiện với mục đích mại dâm) thì hình phạt là từ 10 đến 20 năm tù hoặc tù chung thân. Hình phạt tiền bổ sung từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng cũng có thể được áp dụng.<sup>73</sup>

BLHS quy định hình phạt nghiêm khắc đối với tội mua bán trẻ em, nhất là hành vi mua bán trẻ em vì mục đích mại dâm. Tuy nhiên BLHS chưa hình sự hoá đầy đủ tất cả các hình thức buôn bán người theo yêu cầu của Nghị định thư về phòng, chống mua bán người (ví dụ như không quy định buôn bán người nhằm mục đích bóc lột

---

<sup>70</sup> Điều 253

<sup>71</sup> Điều 16; Mind the Gaps, p.41 – lưu ý luật này không có phiên bản bằng tiếng Anh

<sup>72</sup> Điều 7

<sup>73</sup> Điều 120

sức lao động và hành vi tuyển mộ, chứa chấp nạn nhân bị buôn bán). Đặc biệt, BLHS không đặt ra một ngưỡng thấp hơn để xác định tội danh mua bán trẻ em theo quy định trong Nghị định thư về phòng chống BBN. Thêm vào đó, BLHS không phân biệt giữa mua bán người đã thành niên và mua bán người chưa thành niên từ 16 đến 18 tuổi (Điều 119), trong khi Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người yêu cầu phân biệt căn cứ vào độ tuổi này. Đây là sự khoảng trống quan trọng chưa phản ánh đầy đủ tính chất nghiêm trọng của hành vi buôn bán trẻ em vì mục đích bóc lột.

Mua bán trẻ em vì mục đích bóc lột tình dục còn bị nghiêm cấm theo quy định của Pháp lệnh phòng chống mại dâm.<sup>74</sup> Tuy nhiên, Pháp lệnh này không quy định chế tài hình sự đối với hành vi này mà được quy định trong BLHS.<sup>75</sup>

### 5.3 CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ TRẺ EM TRONG QUÁ TRÌNH TƯ PHÁP HÌNH SỰ

Pháp luật của Việt Nam không có quy định riêng về việc bảo vệ nạn nhân và nhân chứng là trẻ em trong quá trình tư pháp hình sự. Tuy nhiên, một số văn bản quy định các quyền và biện pháp bảo vệ cơ bản có thể áp dụng đối với nạn nhân và nhân chứng là trẻ em của tội phạm du lịch tình dục và có thể được sử dụng làm cơ sở để xây dựng khung pháp luật cụ thể hơn.

*Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) 2003* quy định rằng, trẻ em tham gia tố tụng hình sự phải được bảo vệ khỏi nguy hiểm, có cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp tham dự trong quá trình lấy chứng cứ và trong trường hợp cần thiết được xét xử kín.<sup>76</sup> Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp lưu ý trong *Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH* (ban hành ngày 12/7/2012) đã có hướng dẫn một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên đã có một số quy định cụ thể về việc giám hộ, trợ giúp đối với người bị hại là người chưa thành niên, quy trình lấy lời khai người bị hại và người làm chứng là người chưa thành niên, và việc xét xử vụ án có người bị hại là người chưa thành niên.

Các luật khác, bao gồm BLHS và Luật BVCSGDTE quy định các biện pháp rộng hơn để hỗ trợ nạn nhân nhưng không liên quan đến quá trình tư pháp hình sự.

Luật phòng chống MBN cung cấp các biện pháp bảo vệ cơ bản đối với nạn nhân bị mua bán, trong đó có nạn nhân là trẻ em. Các biện pháp bảo vệ này được áp dụng đối với nạn nhân không chỉ trong quá trình tiến hành tố tụng mà cả ngoài quá trình tố tụng. Luật cũng quy định rằng, các thông tin của nạn nhân sẽ được bảo vệ trừ khi pháp luật có quy định khác và theo yêu cầu của nạn nhân (hoặc người đại diện của họ) Tòa án có thể xét xử kín đối với các vụ án về mua bán người.<sup>77</sup> Tuy nhiên, các biện pháp này chỉ áp dụng đối với các vụ án mua bán người mà không áp dụng rộng rãi đối với các vụ án về bóc lột tình dục trẻ em.

*Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em (2011-2015)* là sự cam kết của Chính phủ trong việc tăng cường các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng hình sự. Theo Dự án 5 (Dự án về tăng cường quản lý Nhà nước về chăm sóc và bảo vệ trẻ em), kế hoạch được kêu gọi để xem xét lại các biện pháp bảo vệ nạn nhân và nhân chứng là trẻ em trong hệ thống tư pháp và xem xét, sửa đổi pháp luật về chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em.<sup>78</sup> Văn bản chính sách này thể hiện cam kết của Chính phủ về tăng cường các biện pháp bảo vệ trẻ em tại

<sup>74</sup> Mind the Gaps, p.41 – lưu ý luật này không có phiên bản bằng tiếng Anh

<sup>75</sup> Thông tin do Cán bộ Dự án Quốc gia, Văn phòng UNODC Việt Nam cung cấp

<sup>76</sup> Điều 7, 135& 307

<sup>77</sup> Điều 31

<sup>78</sup> Tr.27–28

Việt Nam và đưa ra một cơ hội dựa trên ý chí chính trị hiện tại để tăng cường bảo vệ trẻ em trong quá trình tư pháp hình sự.

#### 5.4 CÁC BIỆN PHÁP PHỐI HỢP HÀNH PHÁP XUYÊN QUỐC GIA

Chương 36 và chương 37 của *BLTTHS* (2003) quy định về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự - bao gồm cả dẫn độ và tương trợ tư pháp - theo đó, việc hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện trên cơ sở các điều ước mà Việt Nam là thành viên, hoặc trên cơ sở có đi có lại (tuân thủ theo quy định của pháp luật của Việt Nam). *Luật Tương trợ tư pháp* (2007) đã quy định đầy đủ hơn về vấn đề dẫn độ và tương trợ tư pháp, bao gồm cả các bước yêu cầu đặc thù để đưa ra và tiếp nhận yêu cầu. Trong khi pháp luật Việt Nam cho phép từ chối dẫn độ trên cơ sở quốc tịch<sup>79</sup>, thì các quy định về tội phạm theo BLHS áp dụng đối với công dân Việt Nam phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Việt Nam qua quyền tài phán ngoài lãnh thổ, có nghĩa là công dân Việt Nam có thể bị truy tố thay cho việc dẫn độ.<sup>80</sup> Tội phạm có thể bị dẫn độ được định nghĩa là tội phạm mà theo pháp luật hình sự của Việt Nam và quốc gia yêu cầu có thể bị phạt tù từ 01 năm trở lên (kể cả tù chung thân hoặc bị tử hình). Ngưỡng thấp này có nghĩa rằng hầu hết các tội phạm theo quy định của BLHS liên quan đến du lịch tình dục trẻ em đều có thể coi là tội phạm có thể bị dẫn độ.<sup>81</sup>

Bên cạnh đó, Chương VII của Luật PCMBN đưa ra khung pháp luật cho Việt Nam về hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người. Mặc dù khung pháp luật này không áp dụng đặc thù cho các tội phạm về du lịch tình dục trẻ em, nhưng đã đưa ra được một tiền lệ quan trọng cho việc hợp tác quốc tế trong giải quyết các tội phạm nghiêm trọng liên quan đến bóc lột tình dục trẻ em. Tuy nhiên, căn cứ vào mức độ toàn diện của Luật Tương trợ tư pháp và quyền tài phán ngoài lãnh thổ được quy định tại BLHS, thì hiện nay không nhất thiết phải thực hiện cải cách pháp luật tại Việt Nam để thúc đẩy việc hợp tác thi hành pháp luật giữa các nước.

#### 5.5 TÓM TẮT VÀ KHUYẾN NGHỊ

Khung pháp luật hình sự của Việt Nam quy định một loạt các tội phạm liên quan đến tình dục trẻ em và có thể được sử dụng để truy tố các tội phạm du lịch tình dục trẻ em. Tuy nhiên, ở đây có một số điểm thiếu hụt quan trọng, đặc biệt là liên quan đến tội phạm khiêu dâm trẻ em và mại dâm trẻ em. Việc bảo vệ trẻ em là nạn nhân và nhân chứng trong quá trình tư pháp hình sự cũng còn hạn chế, mặc dù Chính phủ đã thể hiện ý định rõ ràng là sẽ khắc phục điểm bất cập này.

Để bảo đảm pháp luật của Việt Nam phù hợp đầy đủ hơn với các chuẩn mực quốc tế then chốt và xây dựng được hệ thống pháp luật ứng phó tốt với tội phạm du lịch tình dục trẻ em, chúng tôi khuyến nghị rằng, cần thực hiện chương trình sửa đổi, bổ sung pháp luật Việt Nam tập trung vào việc hình sự hoá toàn diện các hình thức chính của hành vi đặc thù liên quan đến du lịch tình dục trẻ em - đặc biệt là mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em - và quy định các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tư pháp hình sự.

Chương trình sửa đổi, bổ sung pháp luật Việt Nam nhằm góp phần ứng phó mạnh mẽ về mặt pháp luật đối với du lịch tình dục trẻ em trên cơ sở pháp luật hiện hành và sử dụng các chuẩn mực quốc tế như là một điểm chuẩn. Khuyến nghị rằng, các hoạt động hỗ trợ sửa đổi, bổ sung pháp luật nhằm để:

<sup>79</sup> Bộ luật Tố tụng Hình sự – Điều 344(1)(a); Luật Tương trợ Tư pháp – Điều 35

<sup>80</sup> Điều 6

<sup>81</sup> Điều 33

---

## KHÁI NIỆM: TRẺ EM

- Bảo đảm rằng pháp luật và các chính sách có liên quan có các biện pháp bảo vệ đầy đủ cho tất cả trẻ em dưới 18 tuổi

---

## HÌNH SỰ HÓA: MẠI DÂM TRẺ EM

- Xác định rõ sự bất cập và chòng chéo giữa các quy định về loại tội phạm này và cần có những sửa đổi thích hợp, làm rõ sự khác biệt (nếu có) trong BLHS giữa tội môi giới mại dâm trẻ em, tội chứa mại dâm trẻ em và tội mua dâm trẻ em
- Xác định xem liệu Điều 112 của BLHS hiện hành có sử dụng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi chứa chấp, môi giới mại dâm trẻ em dưới 13 tuổi hay không - nếu không, thì cần cân nhắc để xây dựng một quy định riêng về tội phạm chứa chấp, môi giới mại dâm trẻ em dưới 13 tuổi để có thể bảo vệ tối đa nạn nhân là trẻ em và bảo đảm rằng các hành vi này bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Xác định xem liệu có quy định các biện pháp xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm các quy định của Luật BVCSGDTE và Pháp lệnh phòng chống mại dâm liên quan đến mại dâm trẻ em hay không

---

## HÌNH SỰ HÓA: XÂM HẠI TÌNH DỤC

- Quy định là tội phạm hành vi giao cấu và dâm ô đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi
- Xác định khái niệm tội phạm dâm ô trẻ em theo quy định tại BLHS

---

## HÌNH SỰ HÓA: KHIÊU DÂM TRẺ EM

- Quy định các tội phạm khiêu dâm trẻ em khác biệt với bất kỳ một quy định nghiêm cấm nào về tài liệu khiêu dâm người lớn và hình sự hoá đầy đủ các hành vi theo yêu cầu của Nghị định thư không bắt buộc của Công ước quyền trẻ em (bao gồm cả việc tàng trữ sản phẩm khiêu dâm trẻ em dưới mọi hình thức mà không cần chứng minh mục đích phát tán sản phẩm đó)

---

## HÌNH SỰ HÓA: BUÔN BÁN TRẺ EM

- Hình sự hoá đầy đủ tất cả các hình thức buôn bán trẻ em theo yêu cầu của Nghị định thư về phòng, chống mua bán người
- Phân biệt giữa mua bán người đã thành niên và mua bán người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi

---

## CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ TRẺ EM

- Bảo đảm rằng, pháp luật quy định các biện pháp bảo vệ đầy đủ cho tất cả những người dưới 18 tuổi (trẻ em theo Công ước về quyền Trẻ em)
- Quy định các biện pháp toàn diện (theo luật hoặc ngoài luật) để bảo vệ trẻ em là nạn nhân và nhân chứng trong quá trình tư pháp hình sự, bao gồm các biện pháp cho phép:
  - thông báo cho trẻ em về quyền và cung cấp thông tin cho các em về quá trình tố tụng
  - cho phép trẻ em được trình bày ý kiến và các ý kiến này được xem xét
  - cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thông qua quá trình hỗ trợ pháp lý
  - bảo vệ bí mật riêng tư và việc xác định nạn nhân là trẻ em (lưu ý là các biện pháp hiện hành cho phép xét xử kín, nhưng quy định này có thể mở rộng để bảo vệ bí mật riêng tư một cách tốt hơn)
  - quy định các biện pháp bảo vệ an toàn cho trẻ em và gia đình (lưu ý là các biện pháp hiện hành chỉ yêu cầu trẻ em được bảo vệ khỏi nguy hiểm), và
  - tránh các trì hoãn không cần thiết trong quá trình tố tụng



## 6 KHUNG PHÁP LUẬT KHU VỰC

### 6.1 HỢP TÁC THỰC THI PHÁP LUẬT GIỮA CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC

Hiện nay chúng ta có một cơ sở vững chắc theo các điều ước đa phương để các nước thực hiện Dự án thực hiện hợp tác pháp luật quốc tế trong điều tra và truy tố các tội phạm liên quan đến du lịch tình dục trẻ em. Theo chuẩn mực pháp lý quốc tế thì mỗi quốc gia thực hiện Dự án phải thúc đẩy việc hợp tác xuyên quốc gia trong dẫn độ và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự khi xử lý các vụ án liên quan đến du lịch tình dục trẻ em.

Là quốc gia thành viên của Nghị định thư không bắt buộc của Công ước về quyền trẻ em, Campuchia, Lào, Thái lan và Việt Nam có nghĩa vụ phải quy định biện pháp rộng nhất để hỗ trợ việc điều tra, truy tố và dẫn độ các tội phạm bóc lột tình dục trẻ em, bao gồm các hành vi du lịch tình dục trẻ em. Hơn nữa, là quốc gia thành viên của Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người, Campuchia, Lào, Thái lan và Việt Nam có nghĩa vụ phải thúc đẩy việc dẫn độ và tương trợ tư pháp với các quốc gia thành viên khác liên quan đến các tội phạm quy định trong Nghị định thư về phòng, chống mua bán người. Các yêu cầu này theo quy định của Nghị định thư không bắt buộc của Công ước về quyền trẻ em và Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người áp dụng bất chấp việc điều ước song phương có áp dụng giữa quốc gia yêu cầu và quốc gia được yêu cầu hay không. Mặc dù Thái lan chưa tham gia Nghị định thư về buôn bán người, nhưng do đã ký văn kiện này nên theo pháp luật quốc tế, không được thực hiện bước đi nào đi ngược lại mục tiêu và mục đích của Nghị định thư<sup>82</sup>.

Điều ước song phương cung cấp cơ sở cho việc hợp tác giữa các nước thực hiện Dự án, tuy nhiên, việc hợp tác này không cần phải phụ thuộc vào việc điều ước này có hay không. Các điều ước song phương có thể tạo cơ sở quan trọng cho việc hợp tác trong lĩnh vực hình sự, làm rõ và sắp xếp quá trình dẫn độ và tương trợ tư pháp giữa các nước. Hiệp định song phương về dẫn độ giữa các nước tham gia dự án như Lào và Campuchia, Lào và Thái lan đang có hiệu lực<sup>83</sup>. Hiệp định khu vực ASEAN về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự cũng đã có, tuy nhiên, không phải tất cả các thành viên ASEAN đã phê chuẩn Hiệp định này<sup>84</sup>. Thông tin về hoạt động và hiệu quả của các hiệp định này hiện nay chưa được cập nhật.

Hợp tác thi hành pháp luật không chính thức cũng là một công cụ đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em. Hợp tác không chính thức - còn được gọi là hỗ trợ của “cảnh sát với cảnh sát” hoặc “cơ quan với cơ quan” - không yêu cầu cơ sở pháp lý một cách đặc thù và có thể thúc đẩy biện pháp chia sẻ thông tin giữa các cơ quan thi hành pháp luật của các nước khác nhau. Hợp tác không chính thức cho phép cảnh sát chia sẻ các tin tức tình báo về thi hành pháp luật (ví dụ, tiền án và hồ sơ hoạt động) trong giai đoạn điều tra, trong khi chứng cứ đang được thu thập. Hợp tác này thúc đẩy luồng thông tin nhanh và có thể có lợi trong việc xác định liệu chứng cứ có nằm ở phạm vi tài phán khác không và vì thế, liệu có cần thực hiện việc tương trợ tư pháp chính thức hay không.

Tầm quan trọng của việc hợp tác thi hành pháp luật không chính thức đã được đề cập tại báo cáo này, vì biện pháp này liên hệ mật thiết với các cơ chế dẫn độ và tương trợ tư pháp chính thức. Tuy nhiên, thông tin về sự tồn tại và hiệu quả của mạng lưới hỗ trợ không chính thức không có. Như đã lưu ý từ trước trong báo cáo này, bởi vì INTERPOL đang làm việc với các cơ quan thi hành pháp luật trong Chương trình Bảo vệ để tăng cường năng lực cho các cơ quan này trong điều tra và hợp tác để xử lý các vụ án về du lịch tình dục trẻ em, do vậy, báo cáo này chỉ tập trung vào khung pháp lý chính thức quy định đối với việc hợp tác về thi hành pháp luật xuyên quốc gia.

<sup>82</sup> Công ước Vienna về Luật Điều ước (1969)

<sup>83</sup> Điều ước về Dẫn độ giữa CHDCND Lào và Campuchia (1999); Điều ước về Dẫn độ giữa CHDCND Lào và Thái Lan (1999)

<sup>84</sup> Điều ước ASEAN về Tương trợ Tư pháp Hình sự (2004)

## 6.2 HỖ TRỢ HỢP TÁC KHU VỰC MỞ RỘNG

Không có văn kiện nào đề cập riêng biệt về việc hợp tác khu vực để đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em. Đây là một lỗ hổng quan trọng trong khuôn khổ hợp tác giữa Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam.

Các khuôn khổ khu vực về hợp tác pháp lý quốc tế trong các lĩnh vực có liên hệ chặt chẽ khác cung cấp một bối cảnh có lợi mà có thể dựa vào đó để tăng cường hợp tác xuyên quốc gia trong xử lý các vụ án về du lịch tình dục trẻ em. Ví dụ, *Bản ghi nhớ về hợp tác phòng, chống buôn bán người ở khu vực Mêkông* (2004) được xây dựng dưới sự bảo trợ của Sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng khu vực Mêkông về phòng, chống buôn bán người (COMMIT MOU), xác định cam kết của các quốc gia về tăng cường hợp tác xuyên quốc gia trong thi hành pháp luật tại khu vực Mêkông để phòng, chống buôn bán người.<sup>85</sup>

Bên cạnh đó, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) đã thoả thuận về phòng chống lạm dụng và bóc lột qua con đường du lịch bằng Hiệp định về du lịch của ASEAN (2002) - và để hợp tác phòng, chống buôn bán người bằng Tuyên bố chung ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (2004). Các hiệp định song phương giữa các nước đối tác cung thiết lập cam kết để hoạt động một cách hợp tác chống lại nạn buôn bán người, mặc dù các hiệp định này không bị ràng buộc bởi pháp luật. Các hiệp định hoặc bản ghi nhớ giữa Việt Nam và Campuchia, giữa Campuchia và Thái Lan, giữa Việt Nam và CHDCND Lào và giữa Việt Nam và Thái Lan làm cơ sở cho việc hợp tác quốc tế xuyên quốc gia về vấn đề buôn bán người được tăng cường. Các văn kiện này có thể hỗ trợ các nỗ lực để tăng cường khuôn khổ hợp tác khu vực để đấu tranh với phạm vi tội phạm rộng hơn, tuy nhiên, chúng đưa ra chỉ một ít hướng dẫn về hợp tác trong phòng, chống du lịch tình dục trẻ em.

## 6.3 TÓM TẮT VÀ KHUYẾN NGHỊ

Để bảo đảm cho các nỗ lực của khu vực đáp ứng các chuẩn mực quốc tế cơ bản và thúc đẩy được hợp tác xuyên quốc gia trong phòng chống du lịch tình dục trẻ em, chúng tôi khuyến nghị rằng, các hoạt động khu vực được thực hiện tập trung vào phát triển khuôn khổ làm cơ sở cho việc hợp tác (ví dụ như thông qua các văn kiện không ràng buộc), phải thúc đẩy chia sẻ thông tin về các vấn đề pháp lý chủ yếu và phát triển mạng lưới cấp nhân viên. Khuyến nghị rằng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật tập trung vào việc hợp tác khu vực là:

- xác định xem liệu các khuôn khổ hiệp định - đa phương, khu vực và song phương có đưa ra được cơ sở đầy đủ cho việc hợp tác giữa các nước thực hiện Dự án hay không (thông qua dẫn độ và tương trợ tư pháp) và, nếu cần thiết thì đề xuất ban hành các khuôn khổ hiệp định bổ sung
- cung cấp một cương lĩnh (platform) để xây dựng một văn kiện khu vực (không ràng buộc, ví dụ như Bản ghi nhớ) làm cơ sở cho việc hợp tác xuyên quốc gia trong ứng phó về tư pháp hình sự đối với du lịch tình dục trẻ em
- khai thác các cơ hội để xây dựng các văn kiện song phương (không ràng buộc, ví dụ như Bản Ghi nhớ) làm cơ sở cho việc hợp tác song phương trong xử lý các vụ án du lịch tình dục trẻ em
- đưa ra các cơ hội thảo luận về các điểm ưu tiên đã được chia sẻ về sửa đổi pháp luật và để mở rộng tối đa khả năng làm hài hoà các quy định về tội phạm hình sự đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em

---

<sup>85</sup> Tr. 3

- thúc đẩy việc chia sẻ thông tin giữa các quốc gia thực hiện Dự án về hợp tác quốc tế xuyên quốc gia trong xử lý các vụ án du lịch tình dục trẻ em - bao gồm cả các cơ hội xây dựng mạng lưới cấp nhân viên để tăng cường mối quan hệ và đạt kết quả tối đa.

Làm việc một cách hợp tác với các nước đối tác để tăng cường các khuôn khổ pháp luật và chính sách phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và quy tắc pháp luật là một bước quan trọng nhằm bảo đảm các tội phạm du lịch tình dục trẻ em không thể thoát khỏi việc bị truy tố và nhanh chóng đưa ra công lý. Thực hiện một chương trình hỗ trợ kỹ thuật mục tiêu về pháp luật để khắc phục những bất cập về pháp luật và hỗ trợ nâng cao năng lực của các cơ quan pháp luật và tư pháp là chìa khoá để đạt được các mục tiêu của Dự án về trẻ em (Chương trình Bảo vệ) - và là trọng tâm để bảo đảm các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông có các công cụ pháp luật để điều tra và truy tố các tội phạm du lịch tình dục trẻ em.

Trên cơ sở các chuẩn mực pháp lý quốc tế, chúng tôi biết rằng, các khung pháp luật hiệu quả về phòng, chống du lịch tình dục trẻ em yêu cầu:

- hình sự hoá toàn diện các hành vi liên quan đến du lịch tình dục trẻ em
- các hình phạt nghiêm khắc phản ánh tính chất nguy hiểm của tội phạm
- các biện pháp bảo vệ đối với nạn nhân và nhân chứng là trẻ em trong quá trình tư pháp hình sự
- các khuôn khổ hợp tác xuyên quốc gia và khu vực

Báo cáo là đánh giá cơ sở về Việt Nam (và, về các quốc gia thành viên của dự án là Campuchia, Lào và Thái Lan trong khuôn khổ khu vực) theo các tiêu chuẩn trên. Kết quả nghiên cứu và khảo sát thực tiễn cho thấy, luật pháp của Việt Nam về đấu tranh chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em trong du lịch nhìn chung vẫn chưa thật đầy đủ, cụ thể, còn có những thiếu hụt nhất định. Điều này có ảnh hưởng đến việc xử lý loại tội phạm này. Trong khi báo cáo này đề xuất các lĩnh vực chính để tập trung các nỗ lực sửa đổi pháp luật, thì vẫn cần phải thực hiện công việc tiếp theo - hợp tác giữa Việt Nam với các nước cùng thực hiện Dự án và các đối tác liên quan khác - để tiếp tục xem xét các đề xuất về sửa đổi pháp luật, xác định các chỉ số của các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật về pháp luật, xác định các điểm ưu tiên giữa UNODC và Việt Nam, xây dựng quyền sở hữu và bảo đảm cam kết từ phía Chính phủ Việt Nam.

Kế hoạch thực hiện dưới đây đưa ra một khuôn khổ để hướng tới các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật về luật pháp với Việt Nam (và các nước thành viên dự án khác trong khuôn khổ khu vực). Trong khi các hoạt động cụ thể với mỗi nước sẽ khác nhau phụ thuộc vào các nhu cầu và điểm ưu tiên được xác định (và bản chất riêng của hỗ trợ kỹ thuật được đề xuất), thì kế hoạch này có thể được sử dụng như một mô hình bao quát để hướng dẫn các hoạt động này. Kế hoạch này cho phép tính linh hoạt để có thể điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp khi chương trình được xây dựng. Vì các chương trình sẽ được cải tiến hơn nên các kế hoạch thực hiện riêng biệt với mỗi quốc gia có thể được phát triển hơn.

**UNODC: Dự án về trẻ em (Chương trình Bảo vệ: Việt Nam)**

<p>KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN: 2011–2014</p> <p><u>Kết quả 1</u>: Tăng cường / cải cách khung pháp luật đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em và bảo vệ các nạn nhân</p> <p><u>Đầu ra 1.1</u>: Thực hiện rà soát pháp luật</p> <p><u>Đầu ra 1.2</u>: Các khuyến nghị rõ ràng và thực tế được đề xuất cho các đối tác Chính phủ liên quan đến tăng cường khung pháp luật đấu tranh với tội phạm du lịch tình dục trẻ em</p>			
MỤC TIÊU	MỤC ĐÍCH	HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN/NGƯỜI THỰC HIỆN
<p>Xây dựng kế hoạch thực hiện Dự án với sự phối hợp với các cơ quan Chính phủ và các đối tác khác</p>	<p>Khai thác ý kiến chuyên gia trong nước về các vấn đề pháp luật chính - đặc biệt là xác định các lĩnh vực chính của cải cách/sửa đổi luật pháp và hiểu được việc thực hiện luật hiệu quả và thực tế</p>	<p>Chuẩn bị tài liệu thảo luận về từng quốc gia thực hiện dự án nêu bật các lỗ hổng về pháp luật (và các lỗ hổng về chính sách nếu có). Tài liệu này sẽ được trình bày tại hội thảo về pháp luật</p>	<p><i>Năm 1: 2011/12</i>  <i>[9/2011 – 8/2012]</i>                      Chuyên gia tư vấn pháp luật quốc tế</p>
		<p>Dịch và chuyển tài liệu thảo luận cho các đối tác Chính phủ để xem xét</p>	<p>Cán bộ Dự án quốc gia</p>
	<p>Xác định các điểm ưu tiên của Việt Nam trong cải cách/ sửa đổi luật pháp</p>	<p>Trình bày các kết quả báo cáo pháp luật đặc trưng cho mỗi quốc gia (sử dụng tài liệu thảo luận) tại các hội thảo quốc gia</p>	<p>Chuyên gia tư vấn pháp luật quốc tế</p>
		<p>Chuyển công tác gặp gỡ các đối tác Chính phủ chính (và các đối tác khác nếu phù hợp): phỏng vấn và thảo luận để xây dựng các vấn đề pháp lý chính, hiểu về các yêu cầu chung để thực thi luật hiệu quả và đánh giá nhu cầu của quốc gia đối tác</p>	<p>Chuyên gia tư vấn pháp luật trong nước  <i>[Nhóm dự án hỗ trợ]</i></p>
<p>Đánh giá cam kết từ quốc gia đối tác đối với các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật về pháp luật.</p>	<p>Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án toàn diện cho mỗi quốc gia thực hiện Dự án phản ánh được các kết quả thảo luận trong chuyển công tác, kết hợp với đánh giá pháp luật và xác định các vấn đề pháp luật rõ ràng (và vấn đề chính sách nếu phù hợp) bao gồm các khuyến nghị cụ thể</p>	<p>Chuyên gia tư vấn pháp luật trong nước  <i>[Nhóm dự án hỗ trợ]</i></p>	
		<p>Dịch và chuyển Kế hoạch thực hiện Dự án cho các đối tác Chính phủ để xem xét</p>	<p>Chuyên gia tư vấn pháp luật trong nước  <i>[Nhóm dự án hỗ trợ]</i></p>

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN: 2011–2014			
Kết quả 1: Tăng cường / cải cách khung pháp luật đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em và bảo vệ các nạn nhân			
Đầu ra 1.1: Thực hiện rà soát pháp luật			
Đầu ra 1.2: Các khuyến nghị rõ ràng và thực tế được đề xuất cho các đối tác Chính phủ liên quan đến tăng cường khung pháp luật đấu tranh với tội phạm du lịch tình dục trẻ em			
MỤC TIÊU	MỤC ĐÍCH	HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN/NGƯỜI THỰC HIỆN
Các hội thảo và thông tin thu thập từ phạm vi rộng các đối tác Chính phủ và các đối tác khác	<p>Xây dựng năng lực quốc gia và hiểu biết về các nghĩa vụ pháp luật quốc tế chính.</p> <p>Thảo luận về các lĩnh vực chính đề xuất cho cải cách/sửa đổi pháp luật và thu thập thông tin về bối cảnh quốc gia.</p> <p>Thúc đẩy cam kết của Chính phủ (và sự tham gia của các đối tác phi Chính phủ, nếu thích hợp) đối với các cải cách/sửa đổi pháp luật được đề xuất.</p>	<p>Các hội thảo với các cán bộ Chính phủ chính để thảo luận về đề xuất sửa đổi.</p> <p>Nhóm công tác bao gồm các đối tác Chính phủ (và các đối tác khác nếu thích hợp) với nhiệm vụ thực hiện cải cách/ sửa đổi pháp luật được thành lập.</p>	<p>Năm 1: 2011/12 [9/2011 – 8/2012]</p> <p>Bộ Tư pháp [Nhóm dự án hỗ trợ]</p>
Soạn thảo pháp luật	Các đối tác Chính phủ dự thảo các văn bản pháp luật.	<p>UNODC hỗ trợ kỹ thuật cho Nhóm Công tác thực hiện nhiệm vụ dự thảo đề xuất văn bản pháp luật.</p> <p>Các cuộc họp của Nhóm công tác để thảo luận về các dự thảo.</p> <p>Chỉnh lý dự thảo theo các ý kiến của Nhóm công tác.</p> <p>Hoàn thành dự thảo cuối cùng và được thông qua bởi Nhóm công tác.</p>	<p>Năm 2: 2012/13 Điều phối viên Dự án UNODC</p> <p>Cán bộ Dự án Quốc gia</p> <p>Bộ Tư pháp [Nhóm dự án hỗ trợ]</p>
Ban hành pháp luật		<p>Quốc hội hoặc các cơ quan thích hợp khác ban hành luật pháp.</p> <p>Thông qua luật pháp và luật pháp có hiệu lực</p>	<p>Năm 2: 2012/13 Năm 3: 2013/14</p> <p>Bộ Tư pháp [Nhóm dự án hỗ trợ]</p>
Thực thi pháp luật	Hỗ trợ Việt Nam có lộ trình thực thi pháp luật thông qua quốc hội và các quy trình thực thi pháp luật khác.	Ban hành các văn bản hướng dẫn pháp luật	<p>Năm 2: 2012/13 Năm 3: 2013/14</p> <p>Bộ Tư pháp</p>

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN: 2011–2014			
Kết quả 1: Tăng cường / cải cách khung pháp luật đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em và bảo vệ các nạn nhân			
Đầu ra 1.1: Thực hiện rà soát pháp luật			
Đầu ra 1.2: Các khuyến nghị rõ ràng và thực tế được đề xuất cho các đối tác Chính phủ liên quan đến tăng cường khung pháp luật đấu tranh với tội phạm du lịch tình dục trẻ em			
MỤC TIÊU	MỤC ĐÍCH	HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN/NGƯỜI THỰC HIỆN
			<i>[Nhóm dự án hỗ trợ]</i>
Tập huấn và nâng cao nhận thức	<p>Hỗ trợ tăng cường năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật trong việc hiểu biết, giải thích và áp dụng các quy định pháp luật mới.</p> <p>Xây dựng nhận thức và hỗ trợ thông qua các cơ quan Chính phủ và phi Chính phủ về cải cách/sửa đổi pháp luật.</p>	Thực hiện các hội nghị tập huấn: tập trung vào cảnh sát, kiểm sát viên, trợ giúp pháp lý và toà án.	<p>Năm 2: 2012/13</p> <p>Năm 3: 2013/14</p> <p>Bộ Tư pháp</p> <p>Nhóm Dự án</p>
Hội nghị khu vực về tăng cường khung pháp luật về đấu tranh với du lịch tình dục tại Tiểu vùng sông Mê Kông và ban hành các văn kiện khu vực, các văn kiện song phương làm cơ sở cho việc hợp tác quốc tế trong đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em	<p>Thúc đẩy trao đổi thông tin giữa các nước thực hiện Dự án về các chương trình cải cách pháp luật.</p> <p>Thúc đẩy mạng lưới xuyên quốc gia giữa các cơ quan luật pháp và tư pháp tại các nước đối tác.</p> <p>Tăng cường tối đa khả năng làm hài hoà các quy định về tội phạm hình sự liên quan đến du lịch tình dục trẻ em trong khu vực.</p> <p>Cung cấp cơ sở để ban hành văn kiện khu vực (không ràng buộc) để thúc đẩy hợp tác xuyên quốc gia và xác định cam kết của các quốc gia đối tác trong việc tăng cường ứng phó tư pháp hình sự với du lịch tình dục trẻ em.</p>	<p>Hội nghị khu vực được tổ chức cùng với các nước thực hiện Dự án (bổ trí vào giai đoạn đầu, giữa và kết thúc Dự án).</p> <p>Xây dựng văn kiện khu vực, văn kiện song phương (không ràng buộc) để thúc đẩy hợp tác xuyên quốc gia đấu tranh với du lịch tình dục trẻ em.</p>	<p>Năm 1: 2011/12</p> <p>Năm 2: 2012/13</p> <p>Năm 3: 2013/14</p> <p><i>[toàn bộ thời gian thực hiện Dự án]</i></p> <p>Nhóm Dự án</p> <p>Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan</p>



**UNODC**

United Nations Office on Drugs and Crime

**Regional Office for Southeast Asia and the Pacific**

United Nations Building, 3<sup>rd</sup> floor B Block, Secretariat Building, Raj Damnern Nok Avenue, Bangkok 10200, Thailand

Tel. (66-2) 288-2091 Fax. (66-2) 281-2129 E-mail: [fo.thailand@unodc.org](mailto:fo.thailand@unodc.org)

Website: <http://www.unodc.org/southeastasiaandpacific>